

Chương 2

TẬP HỢP RỘNG RÃI LỰC LƯỢNG DÂN TỘC, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1946)

1. Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam đoàn kết toàn dân, góp phần củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng nền móng của chế độ mới

Ngày 2 - 9 - 1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Cùng thời gian này, tỉnh Quảng Nam cũng tổ chức cuộc mít tinh trọng thể tại sân vận động Hội An để chào mừng thắng lợi Cách mạng Tháng Tám. Sau chương trình tiếp âm tường thuật lễ Quốc khánh tại Hà Nội là lễ ra mắt các thành viên Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam. Chính quyền mới tuyên bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh và kêu gọi Nhân dân trong tỉnh đoàn kết để bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới và kiên quyết bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Tuy nhiên, cũng như tình hình chung của cả nước sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nhân dân Quảng Nam đứng

trước những khó khăn, thách thức lớn cả về chính trị, kinh tế và xã hội. Tại các huyện phía Bắc của tỉnh, hàng ngàn quân Tưởng dưới danh nghĩa Đồng Minh vào giải giáp phát xít Nhật, bắt chấp các qui định của Hiệp ước Potsdam¹ (Pôttxđam), đưa quân vào chiếm đóng Vĩnh Điện, Hội An. Chúng ra sức giúp đỡ, khuyến khích bọn Quốc dân đảng hoạt động chống phá cách mạng, công khai tuyên truyền nói xấu Việt Minh. Một số nơi thuộc vùng tây Duy Xuyên, đông Thăng Bình, tay sai của chúng còn chi phối các Ban bình dân học vụ, chui vào chính quyền một số xã, vận động chia rẽ trong lúc ta bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tại các địa phương khác, các lực lượng phản cách mạng vẫn ngấm ngầm hoạt động, chờ chủ cũ quay lại...

Trong khi đó, mọi ngành kinh tế thì ngừng trệ, bế tắc, tiêu điều bởi hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Các loại tiền mất giá của quân đội Tưởng² được tung vào thị trường, vơ vét hàng hoá càng làm cho nền kinh tế của ta thêm rối loạn. Nạn đói năm 1945 chưa khắc phục xong, thì nguy cơ nạn đói mới đang đe dọa. Chế độ thực dân phong kiến để lại nhiều hậu quả xã hội nặng nề, nổi bật nhất là trên 90% dân số mù chữ.

1. Hội nghị Potsdam được tổ chức ở Cecilienhof, cung điện của thái tử Wilhelm Hohenzollern, tại Potsdam, Đức từ 16-7 đến 2-8-1945. Các quốc gia tham dự hội nghị là Liên Xô, Anh và Mỹ. Đại diện của ba quốc gia gồm có tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Stalin, thủ tướng Anh Winston Churchill và tổng thống Mỹ Harry S Truman đã nhóm họp để thống nhất về cách tái tổ chức nước Đức thời hậu chiến, quốc gia đã đồng ý đầu hàng vô điều kiện chín tuần trước đó. Mục đích của hội nghị bao gồm cả việc thành lập trật tự thế giới mới thời hậu chiến, những vấn đề về hiệp ước hòa bình và cách thức đối đầu với hậu quả của chiến tranh. Theo Hiệp ước này quân Tưởng chỉ được chiếm đóng từ ngoài vĩ tuyến 16 (tức từ sông Cẩm Lệ, Hoà Vang trở ra).

2. Tiền Quan Kim, Quốc tệ.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, chúng ta vẫn còn có những thuận lợi cơ bản: Cách mạng thành công, nước nhà độc lập, Nhân dân vừa được hưởng những thành quả do Cách mạng Tháng Tám mang lại nên rất phấn khởi, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ Tổ quốc.

Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng là nhiệm vụ bao trùm, khó khăn và nặng nề nhất vì trong điều kiện nước ta lúc bấy giờ “*việc giành chính quyền dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu*”¹. Muốn hoàn thành các nhiệm vụ đó, Đảng phải tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hòa hợp dân tộc, xây dựng và củng cố đất nước về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội và ngoại giao; chống giặc ngoại xâm gắn liền với chống giặc đói và giặc dốt. Các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ được khái quát thành khẩu hiệu chiến lược “*Kháng chiến và kiến quốc*”. Ngày 3 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sáu công tác khẩn cấp để xây dựng nước nhà: Phát động chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói; mở lạc quyền để giúp đồng bào nghèo; phát động phong trào chống nạn mù chữ; tổ chức tổng tuyển cử; phong trào cần, kiệm, liêm, chính, bài trừ những thói hư tật xấu; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, cấm hút thuốc phiện; tuyên bố tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết. Ngày 25 - 11 - 1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*”, trong đó nêu rõ: “*Mặt trận Việt Minh phải hết sức phát triển các tổ chức cứu quốc, sửa lại Điều lệ cho thích hợp hoàn cảnh mới, tổ chức thêm các đoàn thể cứu quốc vào Mặt trận Việt Minh; giúp cho Việt Nam Dân chủ Đảng (tức Đảng Dân chủ Việt Nam) thống nhất và phát*

1. *Văn kiện Đảng 1945 - 1954*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, tập I, Hà Nội 1978, trang 28.

triển để thu hút tầng lớp tư sản, địa chủ yêu nước, để phòng những xung đột, xích mích trong nội bộ Mặt trận; chấn chỉnh lại Tổng bộ Việt Minh, làm cho nó có sức hoạt động, thành lập Bộ Tuyên truyền điều khiển các tờ báo trong Mặt trận và ra loại sách phổ thông của Mặt trận...”¹.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Nam đã nhanh chóng triển khai, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả tốt, trong vòng ba tháng đầu sau Cách mạng Tháng Tám, dựa vào Nhân dân, tỉnh đã tổ chức xong hệ thống chính quyền cách mạng lâm thời từ tỉnh đến huyện, thị và xã. Riêng tại các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, do những điều kiện khách quan thời gian này ta chưa thể thành lập chính quyền cách mạng, nhưng Mặt trận Việt Minh các huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước..., thường xuyên phân công cán bộ bám sát địa bàn; tuyên truyền, vận động đồng bào giảm bỏ các hủ tục lạc hậu, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng tình đoàn kết Kinh - Thượng, ủng hộ kháng chiến².

Cùng với chính quyền các cấp, các đoàn thể cách mạng như thanh niên, nông dân, phụ lão, phụ nữ..., cũng lần lượt được củng cố và đi vào hoạt động. Mặt trận Việt Minh tỉnh do ông Nguyễn Xuân Nhĩ - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Quang Chung - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Phó Chủ nhiệm. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam mở rộng, tiếp nhận các nhà trí thức tiến bộ vào cơ quan quản lý nhà nước địa phương. Bà Phan Thị Châu Liên (Độc ả) làm Ủy trưởng Cứu tế - Xã hội, ông Trần Đình Đản làm Ủy trưởng Giáo dục... Các

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 461, 462.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn, *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn (1945 - 2010)*, tháng 11- 2012, trang 37, 38.



Ông **NGUYỄN XUÂN NHĨ**
Chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận
Việt Minh tỉnh QN - ĐN
(9/1945-1/1947)

Trần Thượng Hàm làm Bí thư, ông Nguyễn Văn Hà làm Phó Bí thư. Ngoài ra, các tổ chức như Thiên Chúa giáo cứu quốc, Phật giáo cứu quốc, hội Văn hóa cứu quốc..., cũng lần lượt ra đời và trở thành thành viên của Mặt trận Việt Minh. Riêng tổ chức của công nhân lao động, do số lượng hội viên ít, nên chưa có đoàn thể công nhân riêng, Tỉnh ủy phân công ông Phan Tích (Bích) làm Trưởng ban Công vận, thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn phát triển hội viên công nhân cứu quốc, tham gia trong tổ chức Mặt trận Việt Minh¹.

Sau khi kiện toàn tổ chức, Ban Chấp hành các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiến hành phổ biến Chương trình Việt Minh, chủ

phủ, huyện, xã cũng thực hiện củng cố hệ thống bộ máy chính quyền, đưa thêm nhân sĩ, trí thức tiến bộ vào các Ủy ban nhân dân địa phương. Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc đều được củng cố và mở rộng, thành lập Ban Chấp hành các đoàn thể như Nông hội cứu quốc tỉnh do ông Trần Viện làm Bí thư; các ông Đặng Xuân Cúc, Nguyễn Xung và Trần Nhiệm làm Phó Bí thư; Phụ nữ cứu quốc tỉnh do bà Phan Thị Nễ làm Bí thư, bà Lê Thị Kinh làm Phó Bí thư; Đoàn Thanh niên cứu quốc tỉnh do ông

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, trang 62.

trương của Đảng cho hội viên, trong đó tập trung lãnh đạo, vận động Nhân dân thực hiện 3 công tác lớn của Chính phủ đề ra là chống “*giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*”. Tuy nhiên, do hoạt động của các đoàn thể Công - Nông - Thanh - Phụ trong thời gian đầu sau khi giành được chính quyền còn khá lúng túng, chông chéo nhau, nên theo chủ trương của Tỉnh, Mặt trận Việt Minh tỉnh đã tổ chức Hội nghị gồm Chủ nhiệm Việt Minh các huyện, thị, thành phố; Ban Chấp hành các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ và Trưởng ban Công vận tỉnh Quảng Nam để bàn bạc, thảo luận và đi đến nhất trí tạm thời các đoàn thể không hoạt động riêng, Mặt trận Việt Minh tỉnh sẽ thống nhất chỉ đạo cán bộ các ngành, các giới xuống các địa phương lo việc phát triển, củng cố tổ chức chung và vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Mỗi đoàn thể chỉ cử một cán bộ chủ chốt làm nhiệm vụ trực, để phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chung của Mặt trận Việt Minh¹.

Cùng với việc xây dựng vũ trang toàn dân và lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu, Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh rất coi trọng nhiệm vụ xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung. Tỉnh Quảng Nam thành lập Chi đội² Trần Cao Vân, do ông Phan Quang Trọng - Ủy trưởng Quân sự làm Chi đội trưởng, tích cực rèn sắm vũ khí; xây dựng các khu căn cứ để kháng chiến, như chiến khu Nguyễn Huệ ở Đại Lộc, Phú Nam ở Duy Xuyên, Trung Lộc ở Quế Sơn...

Tiếng súng Nam Bộ kháng chiến từ ngày 23 - 9 - 1945 thổi thúc đồng bào cả nước. Hoà chung với phong trào Nam

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam* (1929 - 2000), trang 62 - 63.

2. Lúc này, quân đội được tổ chức theo Tiểu đội, Phân đội, Trung đội, Đại đội, Chi đội.

tiên, thanh niên Quảng Nam hăng hái xung phong gia nhập Vệ quốc quân lên đường vào Nam chiến đấu, thề Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. “*Tính chung, ở Quảng Nam, Đà Nẵng, cứ 100 Vệ quốc quân thì có tới 37 người vào Nam chiến đấu*”¹. Riêng huyện Tiên Phước có 47 chiến sĩ, Điện Bàn có cả 1 trung đội tăng cường khoảng 40 chiến sĩ, vừa tốt nghiệp khóa 1 trường Quân chính do Hồ Kỳ Hiếu và Hà Bồng chỉ huy. Ngoài tham gia chiến đấu trên chiến trường Nam Bộ, một số chiến sĩ của Quảng Nam còn được điều sang chiến đấu ở mặt trận Savanakhét (Lào). Không chỉ động viên con em lên đường Nam tiến, đồng bào Quảng Nam còn quyên góp gửi ủng hộ đồng bào Nam Bộ 1 triệu đồng.

Thực hiện Sắc lệnh Tổng tuyển cử bầu Quốc hội do Chính phủ lâm thời công bố (8 - 9 - 1945), tỉnh Quảng Nam có 78 người ra ứng cử, trong đó có 14 ứng cử viên do Mặt trận Việt Minh tỉnh giới thiệu. Tuy nhiên, cũng như cả nước, quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng tuyển cử ở Quảng Nam đã diễn ra trong điều kiện các lực lượng đế quốc và tay sai ráo riết chống lại chính quyền cách mạng, chống lại độc lập tự do. Vì vậy, đây không phải là một cuộc Tổng tuyển cử bình thường mà thực sự là một cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt. Để tránh sự công kích của kẻ thù, Đảng phải đi vào hoạt động bí mật, tuyên bố tự giải tán và chỉ để lại một bộ phận hoạt động dưới danh nghĩa “*Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*” và mọi hoạt động của Đảng từ Trung ương đến địa phương đều thông qua Mặt trận Việt Minh các cấp, đó là biện pháp lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn.

1. Võ Nguyên Giáp, *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 1964, trang 127.

Tại Quảng Nam, để chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bầu cử. Trong quá trình tổ chức vận động bầu cử, Mặt trận Việt Minh sáng tạo nhiều loại hình nghệ thuật dân gian như thơ ca, hò, vè..., để tuyên truyền. Đây là những hình thức vận động hết sức thông minh và hiệu quả, bởi cách làm này vừa dễ tuyên truyền, vận động, vừa dễ thuộc, dễ nhớ để cử tri bầu đúng, bầu đủ số người của Đảng, của Mặt trận Việt Minh giới thiệu vào Quốc hội như: “...*Ông Lê Văn Hiến người đáng lá thăm/ Ráng bỏ cho nhằm Phan Thao, Trần Viện/ Có tài hùng biện hợp với khả năng/ Võ Sạ, Phạm Bằng, anh Huỳnh Ngọc Huệ...*”. Hoặc: “*Lặng lặng mà nghe/ Cái vè bầu cử/ Ông Tri, ông Thu/ Ông Hiến, bà Thanh/ Cùng là các anh/ Huệ - Bôi - Sạ - Nhĩ/ Tổng - Bằng - Thao - Kỳ/ Với lại Viện, Diêu/ Người khác cũng nhiều/ Đầu đơn ứng cử/ Đồng bào xét thử/ Ai đáng ai không/ Trên là các ông/ Nhiều năm tranh đấu...*”¹.

Bên cạnh việc sáng tác thơ ca, hò, vè, các cuộc mạn đàm, trò chuyện về tài, đức của những người được Mặt trận Việt Minh giới thiệu ra tham gia ứng cử lan truyền không dứt làm cho không khí trước ngày Tổng tuyển cử ở Quảng Nam thật sôi động. Riêng đối với địa bàn miền núi, Mặt trận Việt Minh tỉnh cử 2 đoàn lên để tuyên truyền, vận động Nhân dân ứng cử và tham gia bầu cử. Một đoàn lên Bến Hiên - Bến Giằng do ông Trần Tường phụ trách, một đoàn lên Trà My - Phước Sơn do ông Hồ Tuân phụ trách. Ngày 6 - 1 - 1946, cùng với cả nước, Nhân dân tỉnh Quảng Nam nô nức rủ nhau đi bầu cử. Đây là lần đầu tiên, các tầng lớp Nhân dân Quảng Nam được

1. *70 năm đấu án và niềm tin (1946 - 2016)*, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam xuất bản tháng 12 - 2015, trang 14.



Một điểm bỏ phiếu bầu Đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Quảng Nam (1946).

cầm trên tay lá phiếu để tự bầu cho người mà họ tin rằng là làm việc vì “*ích nước lợi dân*”. Nhờ học chữ quốc ngữ, nên nhiều người dân rất phấn khởi khi tự tay mình viết vào phiếu bầu, một số khác không viết được thì nhờ người biết chữ viết và vô cùng tin tưởng ở 14 đại biểu do Mặt trận Việt Minh tỉnh giới thiệu. Kết quả, cả 14 vị đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu và ông Đinh Tựu (dân tộc Cor) ở Trà My do đồng bào dân tộc thiểu số các huyện miền núi đề cử đều trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I¹. Các đại biểu được Nhân dân tin tưởng bầu vào Quốc hội đã dành tâm huyết, tài năng và trí tuệ cống hiến hết mình vì dân, vì nước và trở thành những cán bộ cấp cao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

1. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá I (2 - 3 - 1946), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đề nghị và được Quốc hội phê chuẩn bổ sung thêm ông Đinh Tựu, dân tộc Cor ở châu Trà My (nay thuộc huyện Bắc Trà My) do đồng bào dân tộc thiểu số đề cử làm đại biểu Quốc hội thứ 15 của Quảng Nam.

Tiếp đến, ngày 17 - 2 - 1946, Nhân dân trong tỉnh nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã¹. Cuối tháng 2-1946, Hội đồng nhân dân tỉnh họp phiên đầu tiên và bầu ra Ủy ban hành chính tỉnh thay cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, trở thành cơ quan quyền lực thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Ủy ban hành chính tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Thuý làm Chủ tịch. Ủy ban hành chính Đà Nẵng² do ông Trần Đình Tri làm Chủ tịch.

Qua cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ và nghĩa vụ của Nhân dân Quảng Nam đối với nhà nước cách mạng. Mặt khác, đây còn là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, biểu lộ sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho chính quyền cách mạng.

Tháng 11 - 1946, cấp trên quyết định thống nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành Liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ông Trương Quang Giao - Ủy viên Ban thường vụ Xứ ủy làm Bí thư Tỉnh ủy. Ủy ban quân dân chính liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng do ông Vũ Khương Ninh, đặc phái viên Xứ ủy Trung bộ làm Chủ tịch³. Ban chỉ huy quân sự mặt trận liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng do ông Đàm Quang Trung làm Chỉ huy trưởng.

1. Để thống nhất hệ thống tổ chức hành chính trong phạm vi toàn quốc. Tháng 2 - 1946, Chính phủ chủ trương hợp xã lần thứ nhất, hơn 1.000 thôn xã, làng cũ ở Quảng Nam thời thuộc Pháp, được nhập lại gần 300 xã (chưa kể miền núi), bỏ cấp tổng. Các phủ đều thống nhất gọi chung là huyện.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, theo chủ trương của Trung ương, thành phố Đà Nẵng tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam, trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương. Tháng 11-1946, Đà Nẵng và Quảng Nam lại hợp nhất thành liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

3. Ông Vũ Khương Ninh chỉ làm Chủ tịch một thời gian ngắn thì chuyển công tác khác, Xứ ủy cử ông Trần Đình Tri về thay.

2. Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động toàn dân tham gia diệt giặc đói, giặc dốt, xây dựng đời sống văn hóa mới và chuẩn bị kháng chiến

Muốn tiến tới tiêu diệt giặc ngoại xâm, trước mắt phải lo giải quyết nạn đói. Nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người “*Mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa*” để đem gạo cứu dân nghèo. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc các cấp ở Quảng Nam đã vận động Nhân dân thực hiện phong trào “*Nhường cơm xẻ áo*”, “*Lá lành đùm lá rách*”, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn bằng nhiều biện pháp như thành lập “*Quỹ cứu tế*”, tổ chức các “*Kho thóc cứu tế*” lập các hũ gạo tiết kiệm, thực hiện “*Ngày đồng tâm*” và không dùng gạo, ngô để nấu rượu. Tinh thần đồng cam cộng khổ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau của đồng bào các dân tộc trong tỉnh được khơi dậy mạnh mẽ, lôi cuốn các tầng lớp Nhân dân tham gia, gạo được chuyển đến tay người nghèo, nạn đói nhanh chóng được đẩy lùi. Không những cứu giúp người nghèo trong tỉnh, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc trong tỉnh còn tổ chức quyên góp để ủng hộ đồng bào các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đang bị đói nặng do hậu quả chính sách cướp bóc của Pháp - Nhật và sự khắc nghiệt của thiên tai.

Nguy cơ “*giặc đói*” đã được giảm dần, song để xóa bỏ hẳn nạn đói, điều cơ bản là phải phát triển sản xuất. Với khẩu hiệu: “*Không một tấc đất bỏ hoang*”, *Tắc đất tắc vàng*” và thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chí Minh: “*Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!*”, phong trào thi đua sản xuất được đẩy lên ở khắp các địa phương. Ruộng đất hoang hoá được nhanh chóng đưa vào gieo trồng các loại

cây lương thực và hoa màu, ai làm ra hoa lợi trên đất hoang được hưởng trọn vẹn thành quả đạt được; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, tăng canh, gói vụ; khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống như trồng dâu nuôi tằm, ương tơ dệt lụa, làm đồ gốm, rèn, đúc đồng, làm trống, làm nước mắm, trồng thuốc lá, làm chiếu, chằm nón... Nhân dân Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc trồng dâu dọc hai bờ sông Thu Bồn, Vu Gia; vùng cát Thăng Bình trồng bông, khoai lang, hoa màu; Quế Sơn có giống dâu bầu sản xuất được nhiều trứng tằm, cung cấp cho các địa phương chăn tằm, ương tơ. Các chợ Phong Thù (Điện Bàn), chợ Quảng Huế (Đại Lộc) bắt đầu bán nhiều loại bông, vải tốt...

Chính quyền cách mạng còn tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo; chia lại “*công điền*” cho tất cả cử tri bất kể nam hay nữ từ 18 tuổi trở lên, không kể ruộng tốt hay xấu, gần hay xa; thực hiện giảm tô, giảm tức; bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác. Sau khi chia lại công điền, một số địa phương tổ chức nông đoàn, huyện cử cán bộ về hướng dẫn hoạt động, xây dựng tổ vòng đổi công, giúp nhau nhân công, trâu bò để cày cấy hết diện tích được chia; kêu gọi nông dân đào mương tưới ruộng để chống hạn... Nhờ có những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng khôi phục; sản lượng ngô, khoai, sắn và các cây lương thực khác tăng lên, đời sống của mọi tầng lớp Nhân dân dần dần được ổn định.

Một thành tựu to lớn khác của Nhân dân đất Quảng dưới chế độ mới là công tác xoá nạn mù chữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”. Vì vậy, Người đã đề ra chủ trương mở chiến dịch chống nạn mù chữ và yêu cầu Chính phủ thành lập “*Nha bình dân học vụ*” để phụ trách công

việc hệ trọng này. Hưởng ứng chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tỉnh Quảng Nam vận động Nhân dân mở các lớp bình dân học vụ ở khắp nơi, theo nguyên tắc những người đã biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ gắng sức học cho biết chữ. Thanh niên, học sinh tự nguyện tham gia dạy học rất đông, kể cả các cụ già từ 60 đến 70 tuổi cũng đi học. Tại mỗi gia đình hay trong các lớp bình dân học vụ, người ta thường thấy cảnh cha dạy cho con, vợ dạy cho chồng, anh dạy cho em... Đêm đêm, dầu qua một ngày lao động mệt nhọc, nhưng bà con vẫn miệt mài bên ngọn đèn dầu để đánh vần từng con chữ:

“... *I tờ có móc cả hai*
I ngắn có dấu, tờ dài có ngang...”

Họ phải học chăm chỉ để hôm sau các bà, các cô khỏi phải vào “*chợ dốt*”¹, thanh niên khỏi thẹn với bạn bè vì không đọc được một câu khẩu hiệu bên đường. Việc giảng dạy hỏi chữ cũng được làm khá quyết liệt, nếu người nào mù chữ mà không chịu đi học, cán bộ bình dân học vụ chặn lại hỏi chữ (tất nhiên là những chữ khá đơn giản, gần gũi với những vật dụng, trang phục hàng ngày của dân thôn), mà không trả lời được, thì họ ghi ngay chữ *mù* bằng lọ nghẹ lên trên chiếc mũ, hoặc chiếc nón đang đội trên đầu, có khi chiếc mũ, chiếc nón bà con mới mua ngoài chợ và mới đội lần đầu... Đồng bào còn có nhiều sáng kiến khắc phục khó khăn về giấy, bút, mực, phấn, bảng để học tập. Cán bộ bình dân học vụ có nhiều sáng kiến trong việc kiểm tra và động viên mọi người đi học.

1. Các cán bộ bình dân học vụ, mỗi sáng giảng dạy ngang qua cổng chợ gọi là “*giảng dạy hỏi chữ*”, buộc chị em đi chợ phải đánh vần được một số từ thì mới cho vào chợ, ai chưa biết chữ thì phải vào khu chợ dành cho người chưa biết chữ. Bà con thường gọi là “*chợ dốt*”.

*Em khoe em đẹp em giòn
Em không biết chữ, ai còn yêu em*

Nhìn chung, tinh thần học chữ quốc ngữ ở nơi nào cũng cao, chính tinh thần ham học đó, mà chỉ trong một thời gian ngắn, hơn 90% người dân Quảng Nam đã cơ bản biết đọc, biết viết. 2 xã Lương Sơn, Kiến Tân (nay thuộc xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên) là nơi có thành tích xóa nạn mù chữ sớm nhất tỉnh, được Chính phủ tặng cờ *Diệt giặc đói, xóa mù chữ*. Ông Giang Lý, cán bộ bình dân học vụ huyện Quế Sơn có nhiều thành tích được tỉnh khen thưởng.

Ngoài phong trào bình dân học vụ, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh còn chỉ đạo các địa phương tổ chức khai giảng trở lại các trường từ tiểu học đến trung học, nhất là việc mở lại các trường trung học cũ: Trường Trung học Phan Châu Trinh ở Hội An, trường Trung học Thái Phiên ở Đà Nẵng. Nội dung giáo dục được thực hiện theo Sắc lệnh số 146/SL của Chính phủ, với 3 nguyên tắc cơ bản là: *Đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa và theo tôn chỉ phụng sự lý tưởng quốc gia và dân tộc*. Lần đầu tiên, các môn học đều được giảng bằng tiếng mẹ đẻ, học sinh được học kỹ các môn Văn và Lịch sử dân tộc.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, nền văn hóa mới được Nhân dân hưởng ứng. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội như việc cúng tế linh đình, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc..., từng bước được bãi bỏ, thay vào đó là những nếp sống mới có nội dung tiến bộ, dân chủ, văn minh. Truyền thống dân tộc, tính cộng đồng, nhân văn được đề cao, trân trọng và phát huy.

Ngày 25 - 11 - 1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị “*Kháng chiến, kiến quốc*” kêu gọi cả nước góp “*Quyển độc lập*”, mở

“*Tuần lễ vàng*” để chuẩn bị điều kiện cho công cuộc kháng chiến lâu dài. Tại Quảng Nam, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tổ chức lạc quyên và vận động ủng hộ lạc quyên giúp Chính phủ. Tại mỗi điểm lạc quyên, cán bộ Mặt trận Việt Minh làm một bàn thờ Tổ quốc, có ảnh Bác Hồ, có cờ đỏ sao vàng, trong không khí hương trầm nghi ngút, nhiều gia đình đã ủng hộ xuyên vàng, hoa tai, dây chuyền, nhẫn cưới để góp vào quỹ cứu quốc mà không hề so đo tính toán thiệt hơn; thậm chí có người còn mang cả nồi đồng, mâm thau, lư hương, đỉnh đồng đến góp.

Trong Nhân dân truyền nhau câu về vận động góp đồng của Mặt trận Việt Minh như sau:

*Một nồi đồng đúc mười viên đạn,
Trăm viên đạn giết vạn thằng Tây
Ai ơi có biết có hay
Đồng kia đúc đạn, thằng Tây đi đời.*

Hoặc

*Đồng vàng cất để làm chi
Hãy đem đúc đạn, đập đầu Đờ Gôn¹*

Chỉ trong một thời gian ngắn, Nhân dân trong tỉnh đã đóng góp được 20 kg vàng và hàng chục tấn sắt, đồng. Tuy không lớn, nhưng tấm lòng của đồng bào đối với chính quyền cách mạng đang trong tình thế “*ngàn cân treo sợi tóc*”, thì không gì có thể so sánh được.

Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo các địa phương nhanh chóng xây dựng lực

1. Charles de Gaulle hay Charles André Joseph Marie de Gaulle, phiên âm tiếng Việt: Sác - Đờ - gôn.

lượng, sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân vận động con em tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang các cấp. Ở thôn nào cũng có hàng chục người tham gia lực lượng tự vệ chiến đấu. Ban ngày họ thực hiện tăng gia sản xuất, ban đêm tập luyện quân sự, huấn luyện cách khiêng và cứu chữa thương binh, cách tiếp tế lương thực, thực phẩm..., chị em phụ nữ ngày đêm hăng say luyện tập với tinh thần “*giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*”, tạo nên một khí thế sẵn sàng chiến đấu trong đại bộ phận Nhân dân. Tại các vùng miền núi như: Bến Giằng, Bến Hiên, Phước Sơn, Trà My, bà con đồng bào cũng tổ chức luyện tập quân sự, sẵn sàng tham gia khi có lệnh.

Đề đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi toàn dân làm cơ sở cho kháng chiến thắng lợi, ngày 28 - 5 - 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng - một người con ưu tú của Quảng Nam làm Chủ tịch, tập hợp tất cả các đảng phái và đồng bào yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, chủng tộc, xu hướng chính trị, phấn đấu cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh. Hội nghị thông qua Cương lĩnh, Điều lệ với tôn chỉ, mục đích đoàn kết tất cả đảng phái và đồng bào yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường.

Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra bản Tuyên ngôn nêu lên lý do ra đời của Hội, 4 nhiệm vụ khẩn cấp và trọng yếu của quốc dân Việt Nam và nêu rõ đứng trước sự đòi hỏi của Tổ quốc, đứng trước những nhiệm vụ thiêng liêng đối với đất nước, ở giờ phút lịch sử tồn vong của quốc gia dân tộc, những mâu thuẫn giữa các xu thế chính trị, các giai cấp, các tôn giáo, những sự chia rẽ vô lý giữa các thành phần dân tộc đều phải dàn xếp, xóa



Ông **LÊ ĐÌNH THÁM**
Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh
QN - ĐN (5/1946 - 3/1951)

bỏ và nhường bước cho sự đại đoàn kết rộng rãi, thành thực, vững chắc, đó chính là mục đích ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

Tuyên ngôn kêu gọi đồng bào toàn quốc hãy hưởng ứng và tham gia Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. *Hai mươi triệu người đồng tâm nhất trí như một người*, đó là khẩu hiệu của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Đoàn kết đã đưa nước nhà đến những ngày chói lọi khởi nghĩa Tháng Tám và sự đoàn kết rộng rãi chân thành trong Hội Liên

hiệp quốc dân Việt Nam sẽ đưa nước nhà đến thắng lợi mới, sự đoàn kết sẽ làm cho nước nhà độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường¹.

Tại Quảng Nam, Đà Nẵng bên cạnh Mặt trận Việt Minh, ta thành lập thêm Hội Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng do bác sĩ Lê Đình Thám làm Chủ tịch, Chi bộ Đảng Xã hội² do ông Phan Xuân Hoàng làm Bí thư, Chi bộ Đảng Dân chủ³ do ông Trần Văn Hồng làm Bí thư, nhằm tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trí thức yêu nước và tiến bộ trên địa bàn chưa tham gia Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

1. *Lược sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, trang. 77.

2. Đảng Xã hội Việt Nam ra đời ngày 22-7-1946.

3. Đảng Dân chủ Việt Nam ra đời năm 1944.

Nhờ có chính sách đúng đắn trong việc thu nhận, sử dụng nhân tài, ta đã tập hợp được không ít trí thức, nhân sĩ tham gia hoạt động cách mạng như bác sĩ Lê Đình Thám, Trương Côn, Võ Văn Toàn, Nam Trân, Nguyễn Mai, Hà Mão, Lương Trọng Hối, Lê Cao Thuyên, Đào Quý, Lương Quý Di, Lê Bá Ngọc, Lê Ám, Phan Thị Châu Liên, Trần Đình Đàn... Nhiều vị đã hiến ruộng đất, nhà cửa, cơ sở sản xuất cho cách mạng. Nhiều nhân sĩ, trí thức giác ngộ, được kết nạp vào Đảng, giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền, Mặt trận Việt Minh...

Công tác tôn giáo và vận động Hoa kiều cũng được đẩy mạnh, tại Hội An ta thành lập Hội Hoa - Việt thân thiện do ông Võ Văn Đăng làm Hội trưởng, với các hoạt động chủ yếu nhằm thuyết phục bà con Hoa kiều hiểu rõ và ủng hộ kháng chiến.

Để chỉ đạo phong trào miền núi, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh quyết định thành lập Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số (6 - 1946). Sau khi ra đời, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng vùng giáp ranh và vùng dân tộc thiểu số, tuyên truyền 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, vận động Nhân dân ủng hộ kháng chiến, tuyển chọn cán bộ và tổ chức Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số vùng Trà My - Phước Sơn và vùng Bến Hiên - Bến Giằng, xây dựng mối đoàn kết Kinh - Thượng theo đúng tinh thần bức thư của Bác Hồ gửi cho Đại hội đại biểu các dân tộc miền Nam (4 - 1946): *“Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng*

nhau, no đỏi giúp nhau...Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta”¹.

Tháng 8 - 1946, do nhu cầu mở rộng hơn nữa cuộc vận động, tổ chức công nhân và lao động, Hội Công nhân cứu quốc tỉnh mở Đại hội tại Hội An, đề ra chủ trương đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước và đoàn kết, tương trợ trong công nhân, phát triển hội viên, xây dựng một số công đoàn dọc. Đồng thời Đại hội cũng quyết định đổi tên Hội Công nhân cứu quốc tỉnh thành Liên hiệp Công đoàn² tỉnh, bầu Ban Chấp hành do ông Phạm Tích (Bích) làm Thư ký. Ở các huyện vẫn giữ tên là Hội Công nhân cứu quốc huyện³. Sau Đại hội các công đoàn ngành như hỏa xa, xe hơi, thuyền tải và hội công chức lần lượt ra đời. Ở Hội An, Tam Kỳ, Vĩnh Điện, Túy Loan, Hà Lam..., có nhiều thợ thủ công hăng hái tham gia vào Hội Công nhân cứu quốc. Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh cũng thay đổi tên gọi thành Hội Liên hiệp Phụ nữ⁴ tỉnh và tiến hành củng cố, kiện toàn Ban Chấp hành gồm 7 thành viên, do bà Phan Thị Nễ làm Bí thư, bà Lê Thị Kinh làm Phó Bí thư.

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, trang 217.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập ngày 20-7-1946.

3. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam* (1929 - 2000), trang 63.

4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập ngày 20-10-1946.

Mùa thu năm 1946, cán bộ Mặt trận Việt Minh và đồng bào các huyện Tiên Phước, Đại Lộc; các linh mục và đồng bào Thiên Chúa giáo Trà Kiệu (Duy Xuyên); các nhân sĩ Lương Quý Di, Lương Trọng Hối, Nguyễn Đình Hiến, Lê Nhíp (Quế Sơn)..., vinh dự được cụ Huỳnh Thúc Kháng, với danh nghĩa đại diện của Chính phủ, trên đường kinh lý miền Trung đã ghé thăm, truyền đạt chủ trương kháng chiến của Đảng và Chính phủ, kêu gọi đoàn kết lương giáo, đồng viên đồng bào cố gắng tăng gia sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tháng 11 - 1946, để thống nhất chỉ đạo kháng chiến, tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng sáp nhập thành liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ông Trương Quang Giao - Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy làm Bí thư liên Tỉnh ủy, ông Trần Tổng làm Phó Bí thư. Cùng thời gian này, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh phối hợp với Ủy ban quân dân liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng triển khai thực hiện kế hoạch vườn không, nhà trống, tiêu thổ kháng chiến, chuẩn bị tản cư và tiếp cư, cử cán bộ đi chỉ đạo xây dựng các đường quốc phòng, căn cứ kháng chiến ở các huyện, nhất là các huyện miền núi. Ủy ban quân sự liên tỉnh lập kế hoạch tác chiến cho các Trung đoàn bộ đội chủ lực 93, 96 hình thành thế chia cắt, ngăn chặn không cho quân Pháp ở Đà Nẵng đánh lan rộng về phía nam của tỉnh.

Như vậy, cho đến cuối năm 1946, cùng với khí thế chung của cả nước, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã sẵn sàng trong tư thế kháng chiến lâu dài, kiên quyết chiến đấu giành thế chủ động ngay từ đầu, bao vây chia cắt, tiêu hao sinh lực địch, đẩy địch vào thế bị động, nhằm làm thất bại âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp”.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH VÀ HỘI LIÊN VIỆT TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1950)

1. Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến đấu giam chân địch ở bờ bắc sông Thu Bồn, góp phần đánh bại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp (12/1946 - 6/1947)

Thực dân Pháp bội ước Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946), chúng tăng cường đưa quân vào chiến trường Đông Dương. Riêng tại Đà Nẵng số quân Pháp lên tới 6.745 tên với 934 súng trường, 100 tiểu liên, 44 trung liên, 37 đại liên¹. Ngày 12 - 12 - 1946, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương Georges Thierry d'Argenlieu (Đác-giăng-li-ơ) đến Đà Nẵng, ngang nhiên tuyên bố “*Hà Nội, Hải phòng, Đà Nẵng là lãnh thổ của Pháp*”. Đứng trước nguy cơ đó, các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân tản cư ra các vùng an toàn thuộc Hoà Vang, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên. Ta chuẩn bị tư thế sẵn sàng cắt đứt giao thông của quân Pháp trên tuyến đường quốc lộ 1A từ Đà Nẵng đi Vĩnh Điện và đường từ Tuý Loan đi Ái Nghĩa. Các trạm cứu thương, lương thực, vũ khí được lập ngay ở những điểm tiếp cận với mặt trận Đà Nẵng.

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946). Cùng với cả nước, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng chính thức bắt đầu từ lúc 6 giờ 30 phút ngày 20 - 12 -

1. *Quảng Nam - Đà Nẵng, Lịch sử chiến tranh nhân dân*, tập 1: 1945-1954, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, xuất bản lần 2, 1994, trang 74.

1946. Tự vệ Đà Nẵng đã dùng bom đánh sập Nhà máy Đèn, Bru điện, cầu Thủy Tú, Cẩm Lệ; dọc theo tuyến quốc lộ 1A, các chướng ngại vật được dựng lên khắp nơi. Trong những ngày đầu chiến đấu, các đơn vị của Trung đoàn 96 cùng lực lượng vũ trang địa phương anh dũng chặn đánh, bao vây chúng trong thành phố.

Với tinh thần tất cả cho mặt trận Đà Nẵng, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã tuyên truyền vận động hội viên các đoàn thể cứu quốc, nhất là Nông hội cứu quốc các huyện tiếp tế hỗ trợ về mọi mặt. Đoàn viên Đoàn Thanh niên cứu quốc tham gia trong các đơn vị tự vệ tập trung về Đà Nẵng chiến đấu. Đặc biệt, trong những ngày sục sôi cách mạng, ước mơ được tòng quân, làm anh bộ đội cụ Hồ trở thành một lý tưởng cao đẹp của các chàng trai xứ Quảng, như hồi ký của một thanh niên lúc đó đã viết: “...*Áy là con đường đi tất yếu của cả một thế hệ...*”¹.

Lực lượng tự vệ chiến đấu các huyện Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên cùng bộ đội tổ chức chuyển thương, tải đạn, vận chuyển lương thực phục vụ chiến đấu. Các đoàn thể cứu quốc vận động hội viên đóng góp lương thực, thực phẩm, quyên góp quà bánh cho bộ đội, hưởng ứng tích cực phong trào “*Mùa đông binh sĩ*”. Nhiều áo quần, chăn màn..., góp lại đưa ra phòng tuyến cho chiến sĩ ta đỡ phần lạnh lẽo; chăm sóc thương bệnh binh; tham gia đào hào, đắp chướng ngại vật hình thành vòng vây quanh vùng ven Đà Nẵng; đón tiếp chu đáo đồng bào Đà Nẵng, Hòa Vang tản cư trong tinh thần tương thân tương ái. Nhân dân các huyện bỏ ra hàng triệu ngày công làm đường quốc

1. Nguyễn Ngọc, *Chiến trường những năm tháng ấy, sống và viết* trong tập *Về một vùng văn học*, Nxb. Đà Nẵng 1993, trang 52.



Ông **TRƯƠNG QUANG GIAO**
*Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN (1/1947-1/1949)*

dân - quân, hậu phương - tiền tuyến giữa Quảng Nam và Đà Nẵng càng thấm đượm trong khói lửa chiến tranh.

Sau hơn 1 tháng anh dũng trụ bám đánh địch, quân và dân ta đã tìm chân chúng tại Đà Nẵng và vùng tây bắc Hòa Vang, không cho chúng vượt qua sông Cẩm Lệ để tiến vào phía nam. Tháng 1 - 1947, Tỉnh ủy họp mở rộng tại Ái Nghĩa (Đại Lộc) đã đề ra nhiều nhiệm vụ cấp bách, đồng thời nhấn mạnh: “*Động viên sự đoàn kết và nỗ lực của toàn dân, vượt mọi khó khăn gian khổ, huy động hết thảy mọi phương tiện, tranh thủ khi địch còn ở phía Bắc sông Cẩm Lệ mà củng cố hệ thống phòng thủ phía Nam sông Cẩm Lệ..., thực hiện tiêu thổ kháng chiến, làm vườn không nhà trống, bất hợp tác với giặc...*”¹. Hội nghị đã

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. CTQG Hà Nội, 2006, trang 242 - 243.

phòng, hai bên có nhiều hầm trú ẩn, công sự chiến đấu và kho dự trữ lương thực, cải tạo địa hình phù hợp với kháng chiến. Nhân dân huyện Quế Sơn làm đường Chợ Đụn - Đèo Le dài hơn 30 km; huyện Duy Xuyên làm đường Trà Kiệu, núi Hòn Tàu dài hơn 10 km. Nhiều huyện còn có sáng kiến thành lập các “*đội du kích thiếu niên*”, gồm những em từ 12 đến 16 tuổi gan dạ, tháo vát, phục vụ và tham gia kháng chiến, tiêu biểu như Đội du kích thiếu niên Hoàng Diệu ở Gò Nổi (Điện Bàn). Hình ảnh

củng cố lại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 15 thành viên, do ông Trương Quang Giao làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, ông Trần Tổng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Phó Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc ở Quảng Nam tích cực vận động các tầng lớp Nhân dân xây dựng phòng tuyến, công sự, ụ chướng ngại vật, chòi canh dọc bờ biển, đào hầm trú ẩn máy bay, đóng góp mọi thứ vật liệu cần thiết phục vụ bộ đội; tham gia phá cầu Vĩnh Điện, Bích Trâm, thành La Qua (Điện Bàn); đường 100 (nay là đường ĐT 609), đường sắt, các cầu Kỳ Lam, Chiêm Sơn cũng bị phá dỡ. Ở Đại Lộc, Nhân dân đào giao thông hào từ chân núi Ba Khe ra sát sông Vu Gia để ngăn xe quân sự của địch đưa quân lên Hà Tân, Bến Hiên, Bến Giằng. Tại Thăng Bình, Nhân dân Phú Cang (Bình Quý), Lạc Câu (Bình Dương) và chợ Bà (Bình Giang) dùng thanh sắt làm hàng rào, bờ lũy để chặn giặc vào xã. Nhiều nơi Nhân dân còn có sáng kiến chặt tre thành từng đoạn, vót nhọn cắm ở những bãi trống để chống giặc nhảy dù; làm nò, đắp kè ở các cửa sông dọc theo bờ biển để ngăn ca nô địch chạy vào; hiến cả giường, tủ, bàn, ghế, cột nhà, cối xay, cối giã..., để xây dựng trận địa, công sự đánh địch trên các ngã đường, dọc thôn xóm, ven bờ biển.

Nhân dân Điện Bàn, Hội An chôn giấu tài sản, phá nhà cửa, tản cư sang các huyện phía nam sông Thu Bồn. Ở Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ..., Nhân dân tổ chức làm hầm trú ẩn, đón tiếp giúp đỡ đồng bào tản cư, làm đường sá, kho tàng, nhà thương, tiếp tế, tải thương, dự trữ lương thực, phục vụ bộ đội chiến đấu. Hội Phụ nữ thành lập Hội mẹ, chi

binh sĩ, tổ chức lạc quyên để chăm sóc thương bệnh binh và gửi quà ra mặt trận động viên tinh thần bộ đội.

Hưởng ứng phong trào toàn dân phòng gian bảo mật, bảo vệ nơi đồn trú của bộ đội, nơi đóng các cơ quan của tỉnh, huyện với khẩu hiệu 3 không (không nghe, không biết, không thấy). Ở những nơi đông người như chợ búa, quán xá, Mặt trận Việt Minh đều dán khẩu hiệu để nhắc nhở mọi người giữ bí mật.

“Ở đây tai vách mạch rừng

Chuyện đâu bỏ đấy xin đừng ba hoa”

Ngoài ra, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh thường xuyên đề cao cảnh giác; những người lạ mặt đến thôn, xóm đều bị dân xem xét giấy tờ và theo dõi, phát hiện báo cáo để cách mạng trừng trị những tên Việt gian, chỉ điểm cho địch.

Trên địa bàn miền núi, đội ngũ cán bộ Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số ngày đêm bám sát địa bàn dân cư, kiên trì vận động, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng học tiếng nói, phong tục tập quán đã làm cho bà con người dân tộc thiểu số từng bước thấu hiểu về chính sách của Mặt trận Việt Minh, nhờ vậy mà chủ trương xây dựng miền núi thành vùng hậu cứ của cách mạng và tổ chức lực lượng kháng chiến bước đầu đã mang lại một số kết quả thiết thực. Song, vấn đề xây dựng mỗi đoàn kết Kinh - Thượng trong thực tế vẫn còn những trở ngại, bởi lẽ đa số các tộc người thiểu số trên địa bàn Quảng Nam không biết tiếng Việt, lại chưa có chữ viết riêng, trình độ dân trí thấp, đời sống hết sức khó khăn, tập tục lạc hậu nặng nề... Trong khi đó thực dân Pháp và tay sai đang tìm mọi cách để thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc nói chung, chia rẽ Kinh - Thượng nói riêng. Vì vậy, giữa tháng 1 - 1947, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn, mà nòng cốt là các cán bộ của Mặt trận Việt Minh

đã tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc trong vùng tại bãi cát Bà Huỳnh. Đại hội diễn ra trên tinh thần đoàn kết và tin tưởng, hơn 500 đại biểu dân tộc Bhnong vùng cao (gồm các làng Kadhoat Xum, Roh Roh, Bhaneng Meo, Lagâm, Plây Lut, Plây Xe, Xuân Mãi) và trên 100 đại biểu dân tộc Cadong vùng thấp (gồm các làng Kông Van, Giangàn, Giaseq, Kanâng) cùng trên 200 đại biểu người Kinh các xã Vinh Quang, Liên Giang đến dự.

Về dự và chỉ đạo Đại hội có đại diện Mặt trận Việt Minh, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn và đại diện Mặt trận Việt Minh huyện Quế Sơn. Đại hội nghe phổ biến chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp và tay sai; tổ chức học tập thư của Bác Hồ gửi Đại hội đoàn kết các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu (Gia Lai). Thảo luận tại Đại hội, đại biểu các dân tộc đều hứa quyết tâm xóa bỏ tập tục “*trả đầu*”, “*giặc mùa*”, nguyện đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh, đi theo con đường cách mạng của Đảng và Bác Hồ. Đồng thời các đại biểu còn cam kết sẽ vận động dân làng đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, ra sức thi đua sản xuất, ủng hộ kháng chiến... Đại hội còn tổ chức lễ ăn thề đoàn kết các dân tộc; tổ chức đâm trâu huê, múa hát cồng chiêng suốt một ngày đêm theo đúng phong tục của đồng bào. Đại hội đoàn kết đã để lại nhiều kết quả và những ấn tượng sâu sắc, xúc động, vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử bà con các dân tộc thiểu số và người Kinh cùng ăn một mâm, ngồi một chiếu, uống chung rượu cần, bàn việc nước¹...

Tháng 3 - 1947, đứng trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, đòi hỏi phải có tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt

1. *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn (1945 - 2010)*, tháng 11 - 2012, trang 42, 43.

trận và các đoàn thể thay vai trò của Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn, mới đủ sức lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc ở vùng tự do. Do vậy, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh quyết định thành lập châu Trà My (bao gồm cả Phước Sơn), do ông Nguyễn Võ làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính. Ngay sau đó, ông Nguyễn Xuân Nhĩ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Mặt trận Việt Minh tỉnh thay mặt Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh tỉnh đã triệu tập Hội nghị toàn thể đảng viên và cán bộ Việt Minh đang hoạt động trên địa bàn Trà My - Phước Sơn để thành lập Ban Cán sự Đảng và Mặt trận Việt Minh châu Trà My do ông Nguyễn Đáo làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, ông Phan Điều làm Phó Chủ nhiệm.

Cùng thời gian này, địch tăng viện binh, nâng tổng số quân trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng lên hơn 1 vạn quân, địch bắt đầu mở các cuộc càn quét, đánh sâu vào các vùng nông thôn là hậu phương rộng lớn của ta. Tại Quảng Nam, đến trưa ngày 14 - 3 - 1947, chúng chiếm thị xã Hội An. Từ Hội An, địch đánh thẳng lên Vĩnh Điện, Phong Thử, hợp điểm với gọng kìm tại phía tây Ái Nghĩa (Đại Lộc). Ngày 26 - 3 - 1947, nhằm khai thông đường 14 từ Đà Nẵng lên Kon Tum, cắt đứt hành lang Nam - Bắc và đường qua Hạ Lào của ta, địch tổ chức cuộc hành quân theo đường 14 đánh lên phía tây. Nhận được tin giặc Pháp sẽ kéo lên Bến Giằng, gần 70 đồng bào Cotu với giáo mác, cung tên, dưới sự chỉ huy của Conh Dươi chuẩn bị sẵn sàng phối hợp với bộ đội đánh Tây. Tuy nhiên, do đường sá, cầu cống đã bị Nhân dân phá hỏng; nhiều chướng ngại vật được dựng lên, thêm vào đó các đơn vị của tỉnh, dân quân du kích Đại Lộc liên tục quấy rối, nên địch chỉ tiến lên tới Hà Tân, Hội Khách (Đại Lãnh), sau đó chúng phải rút lui về Ái Nghĩa. Dù chưa có cơ hội

chạm trán với quân Pháp, song sự kiện “*đồng bào Cotu đi đuổi Tây*” khẳng định ý chí đoàn kết, tinh thần quả cảm của đồng bào quyết tâm chống xâm lược, bảo vệ núi rừng.

Tại Vĩnh Điện, Phong Thử, Ái Nghĩa, hai Trung đoàn 93, 96 phối hợp với bộ đội, dân quân du kích các địa phương đã tổ chức nhiều trận đánh quyết liệt với quân địch. Nhưng do sự tương quan lực lượng quá chênh lệch, các lực lượng vũ trang của ta vừa chiến đấu, vừa rút lui dần sang bờ nam sông Thu Bồn để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị chiến đấu lâu dài với thực dân Pháp.

Sau đợt tiến công này, chúng chiếm được vùng đồng bằng phía bắc sông Thu Bồn. Các cơ quan của huyện Hoà Vang, Hội An, Điện Bàn cùng một bộ phận Nhân dân lần lượt chuyển vào các huyện phía nam của tỉnh. Mặc dù các trạm tiếp cư từ phía nam sông Thu Bồn trở vào đã được Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc chuẩn bị trước, với đầy đủ nước uống, lương thực và các vật dụng thiết yếu phục vụ cho đồng bào tản cư theo dự kiến. Nhưng, Nhân dân các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ, Tiên Phước vẫn không thể đáp ứng kịp số lượng hàng chục vạn đồng bào tản cư cùng một lúc, nên không khỏi xảy ra tình trạng nhiều gia đình tản cư phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất, không nhà cửa, không lương thực, không thuốc men lúc ốm đau...

Trước tình hình đó, cuối tháng 3 - 1947, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc vận động đồng bào các huyện phía bắc hồi cư. Các huyện, thị, thành phố tổ chức những đội công tác bám theo dân trở về từng vùng địch tạm chiếm để hoạt động và giúp dân tổ chức sản xuất, chống âm mưu gom dân lập tề của địch.

Quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến “*toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh*” của Trung ương. Với khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng quân xâm lược*”. Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc trong tỉnh một mặt động viên con em tham gia bộ đội, dân quân du kích xã thôn để đánh giặc giữ làng; tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, trồng nhiều rau để chống đói, cứu đói, ổn định đời sống; đóng góp quỹ nuôi quân; giúp dân quân, tự vệ phát hiện và diệt bọn ác ôn trà trộn trong Nhân dân. Mặt khác, vận động Nhân dân đấu tranh chống lập tề chiêu an, làm hầm bí mật, bảo vệ cán bộ, chống địch càn quét cướp bóc, đẩy mạnh công tác địch vận, trừ gian ở những vùng tạm bị chiếm. Cạnh đó, Mặt trận Việt Minh các cấp còn vận động hàng vạn đồng bào phá hủy các công trình giao thông, nhằm ngăn chặn giặc tấn công bằng đường bộ; cấm cọc ở những vùng đất trồng để hạn chế địch đổ quân nháy dù, canh gác chống địch đổ bộ bằng đường biển; đào giao thông hào, công sự, địa đạo, rào làng chiến đấu, để đánh địch và che giấu lực lượng, xây dựng thực lực cách mạng ở vùng tự do.

Ở Điện Bàn, để phục vụ chính sách chiêu an, dôn dân, bình định, không chế tinh thần của Nhân dân, ngày 16 - 4 - 1947, chỉ trong một cuộc càn chúng đã sát hại 11 người dân vô tội tại La Huân, Giáng La; đốt phá nhà cửa và giết hại thêm 21 người dân tại La Thọ. Đi đôi với thủ đoạn khủng bố, thực dân Pháp còn bày trò dùng thủ đoạn chính trị, dùng chính sách chia rẽ, lợi dụng tôn giáo, mê hoặc một số người làm tay sai cho chúng, gây mâu thuẫn giữa lương và giáo. Một số nơi chúng bắt dân tập trung mít tinh, biểu tình, hô khẩu hiệu chống lại kháng chiến...

Sau khi đánh chiếm đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ, Pháp tăng cường viện binh tiến hành càn quét, chiêu an, lập tề, bắt dân tập trung về ở sát hai bên đường giao thông, những nơi chúng dễ kiểm soát; chúng cho xe đón tiếp đồng bào hồi cư, phát thuốc men, bán gạo rẻ, đưa những tên Việt gian đến diễn thuyết, dụ dỗ đồng bào về làm ăn; tiến hành nắm số dân, cử tri và cấp thẻ, bắt dân đi làm trâu, nộp thuế, đắp đường, xây đồn bót; cướp trâu bò, tài sản rồi cho lý trưởng ra nhận dân mới cho về và trả lại tài sản.

Tháng 6 - 1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng vượt qua sông Thu Bồn, mở rộng vùng chiếm đóng sang đất Duy Xuyên, tây Đại Lộc, lập hệ thống đồn bót ở nam sông Thu Bồn. Từ đây, hình thái chiến trường Quảng Nam hình thành hai vùng rõ rệt: nửa phía bắc sông Bà Rén trở ra là vùng địch tạm chiếm gồm các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An, Đại Lộc. Vùng tự do của tỉnh gồm 4 huyện miền núi: Hiên, Giăng, Phước Sơn, Trà My và 4 huyện đồng bằng: Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước nối liền với các tỉnh bạn phía nam, tạo thành vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú của Khu 5 trong suốt thời gian còn lại của cuộc kháng chiến chống Pháp.

2. Tham gia xây dựng và bảo vệ vùng tự do, đẩy mạnh chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, giành thế chủ động trên chiến trường (6/1947 - 1950)

Ở vùng tự do, nhiệm vụ đặt ra cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc là vận động Nhân dân cứu mang, giúp đỡ đồng bào tản cư, tham gia bố phòng, chống địch lấn chiếm, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an; bảo vệ các cơ quan, đơn vị đến đóng quân; tăng gia sản xuất, đóng góp lương thực cho tiền tuyến;



Các đại biểu dân tộc thiểu số Quảng Nam dự Hội nghị bàn về công tác miền núi và dân tộc Liên khu V (1948)

xây dựng đời sống văn hóa, xã hội, phát triển giáo dục, nhanh chóng đưa vùng tự do thành hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền, đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở, nhằm tập hợp lực lượng, mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, tháng 7 - 1947, Hội Liên Việt tỉnh mở đại hội gồm đại diện các tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ, thương gia..., bàn việc thống nhất

hành động chống Pháp. Ngày 25 - 7 - 1947, Đại hội thành lập Đoàn Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Nam được tổ chức với sự tham dự của 120 đại biểu, đại diện cho Đoàn Thanh niên các địa phương, các đoàn thể (công nhân, nông dân, phụ nữ) cấp tỉnh; các đơn vị quân đội, viên chức, giáo viên, học sinh, đại biểu thanh niên trong các tôn giáo (Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài), nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các tầng lớp thanh niên tham gia kháng chiến, cứu nước¹. Ngày 10 - 7 - 1947, Hội Lão thành cứu quốc Quảng Nam tổ chức đại hội, xác định nhiệm vụ cho 47.000 hội viên của Hội. Đảng Xã hội tại Quảng Nam có 310 đảng viên thuộc tầng lớp trí thức và công chức. Đảng Dân chủ tại Quảng Nam phát triển được 500 đảng viên. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh có 35.000 hội viên, Hội Nông dân cứu quốc tỉnh có 84.000 hội viên, Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 8.859 hội viên, Nhi đồng cứu quốc tỉnh có 21.000 đội viên. Tổ chức Đoàn lúc này đã có tới 40.220 đoàn viên, đây là bước trưởng thành rất lớn của Đoàn Thanh niên Quảng Nam. Về xây dựng lực lượng vũ trang, tính đến tháng 12 - 1947, hầu hết các xã trong tỉnh đều có đội du kích tập trung với tổng số 15.099 đội viên, dân quân tự vệ có 73.429 đội viên, toàn tỉnh có 16 trung đội biệt động huyện²...

Ngày 6 - 1 - 1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I họp tại xã Tam An (nay thuộc huyện Phú Ninh). Tại Đại hội này, ông Nguyễn Xuân Hữu được bầu làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh. Sau đó, ông Nguyễn Xuân Hữu được Liên khu uỷ 5 điều vào làm Bí

1. BCH Tỉnh Đoàn Quảng Nam, *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, Tam Kỳ, tháng 3 - 2011, trang 58 - 59.

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 255.



Ông NGUYỄN XUÂN HỮU
*Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN (1/1949 - cuối
năm 1949)*

thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, ông Cao Sơn Pháo - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Quyền Bí thư. Tiếp theo, từ ngày 21 - 2 đến ngày 2 - 3 - 1950, tại làng Bà Bầu (Tam Anh Bắc, Núi Thành hiện nay) đã diễn ra Đại hội Đảng bộ lần thứ II. Ông Cao Sơn Pháo được bầu làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, ông Lê Bình làm Phó Bí thư.

Sau khi các đoàn thể cứu quốc và lực lượng vũ trang được kiện toàn, củng cố, tính đến đầu năm 1950, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh đã tập hợp được 454.859 hội viên, trong

đó có 97.000 thanh niên, 227.197 phụ nữ, 68.638 nông dân, 30.000 lão thành và các tầng lớp, cá nhân yêu nước đứng vào mặt trận chống Pháp. Đặc biệt sau khi có chủ trương về đẩy mạnh kháng chiến được Tỉnh ủy thông qua tại Đại hội Đảng bộ lần thứ I (1 - 1949) & lần thứ II (3 - 1950), Mặt trận Việt Minh và đoàn thể cứu quốc các cấp tiếp tục động viên con em vào du kích, tạo thành đội quân đông đảo, rộng rãi của chiến tranh nhân dân, vừa gắn chặt với ruộng vườn, vừa chiến đấu đánh giặc giữ làng, đây cũng là lực lượng dự bị để bổ sung cho lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

Trong gian khổ chiến tranh, hầu hết Nhân dân xứ Quảng ở vùng tự do đều ý thức rất rõ về nghĩa vụ của mình với kháng

chiến, nên đã hết lòng đùm bọc cán bộ, đảng viên, dân quân du kích, bộ đội đóng trên địa bàn. Bà con đã quyên góp quần áo, tiền bạc, thuốc men, nhận thương binh, con mồ côi về chăm sóc, nuôi dưỡng qua các phong trào “*Ứng hộ bộ đội*”, “*Nhận thương binh về làng*”, “*Hướng về vùng tạm chiếm*”..., do Hội Phụ nữ làm nòng cốt. Các đợt vận động của tỉnh về đóng góp quỹ kháng chiến, mua “*công phiếu kháng chiến*”, “*quỹ nuôi quân*”, đều được các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tích cực, đóng góp hàng chục triệu đồng, hàng vạn ang lúa, mắm, muối... Năm 1948, nhiều nơi còn tổ chức “*Hội chợ kháng chiến*” nhằm giáo dục tinh thần thi đua yêu nước, huy động vật chất đóng góp cho kháng chiến.

Để bảo vệ vùng tự do, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc các cấp vận động hội viên và Nhân dân phối hợp với các lực lượng vũ trang tăng cường công tác phòng thủ, chú trọng vùng giáp ranh và ven biển. Hàng ngày nhìn về vùng tạm chiếm thấy bao cảnh đau thương tan tác do giặc gây ra, khiến người dân càng quyết tâm bảo vệ bằng được mảnh đất tự do còn lại của quê hương. Ở các cửa sông, Nhân dân góp cây, đóng cọc, làm kè chống ca nô địch; dọc bờ biển thì đào giao thông hào, công sự; dọc các trục đường giao thông thì trồng cây, đào hầm trú ẩn. Tất cả các hoạt động như họp chợ, hội họp, sản xuất mùa vụ đều diễn ra vào ban đêm. Ngư dân thực hiện phương châm “*địch đánh ban ngày ta làm ban đêm, địch phá ghe thuyền ta sắm thúng đi câu*”.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nhân tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến, hàng vạn lượt người đã đi dân công, vận chuyển đưa gạo, muối, súng đạn ra tiếp tế cho các chiến trường phía bắc của tỉnh, tây bắc Hòa Vang, lên bắc Kon Tum, sang Hạ



Đại hội Việt Minh Quảng Nam- Đà Nẵng năm 1949

Lào làm đường hành lang chiến lược. Chỉ tính riêng các huyện miền núi, đến tháng 7 - 1948 đã góp 45.000 ngày công; nhận chăm sóc, đỡ đầu hàng ngàn thương binh.

Trên lĩnh vực sản xuất, các đoàn thể thanh niên, nông dân, phụ nữ, lão thành, thiếu nhi, cơ quan, lực lượng vũ trang đều có chương trình, kế hoạch tăng gia sản xuất. Năm 1949, Nhân dân toàn tỉnh lập được 60 hội khẩn hoang để mở rộng diện tích (tăng 15% so với năm 1948), chủ yếu trồng lúa, rau, sắn, khoai, ngô và chăn nuôi gia súc gia cầm. Bên cạnh việc khai hoang mở rộng diện tích canh tác, Nhân dân còn tổ chức thâm canh, xen canh, tăng vụ. Để nâng cao năng suất cây trồng, công tác phát triển thủy lợi, bón phân được chú trọng. Ngoài các bara An Trạch, đập Vĩnh Trinh, Duy Lộc, Khe Cống, Thạch Bàn, Hồng Quang, Tây Long, Hương Mao, Hồ Chình..., được nhanh chóng phục hồi, các địa phương còn làm thêm 41 đập bồi. Các phương tiện “*dẫn thủy nhập điền*” để chống hạn như xe trâu, xe nước, gàu giai, gàu sòng..., được từng hộ gia đình

triệt để sử dụng. Trên địa bàn miền núi, ngoài việc sản xuất nông nghiệp theo lối phát rẫy, đồng bào các dân tộc ít người được Hội Nông dân cứu quốc và phòng Quốc dân thiểu số hướng dẫn làm vườn, trồng cây ăn quả. Nhờ đó, trong ba năm 1949 - 1951, Nhân dân Quảng Nam đã đóng góp hơn ngàn tấn lương thực, hàng trăm tấn muối, mắm cho chiến trường.

Công tác văn hóa giáo dục ở vùng tự do liên tục phát triển. Bên cạnh phong trào bình dân học vụ, hệ thống giáo dục phổ thông cũng phát triển mạnh, đến năm 1950, trên địa bàn tỉnh ngoài các trường cấp I và nhiều lớp vỡ lòng ở các xã, còn có các trường cấp II¹ như Trường Trần Du (còn gọi là Trường Tam Kỳ 2), Trường Bình dân, Trường Phan Châu Trinh, Trường Quế Sơn 2..., do tỉnh mở để đào tạo cán bộ. Học sinh được giáo dục toàn diện cả về kiến thức văn hóa, phẩm chất đạo đức và ý thức lao động... Đặc biệt, cụ Nguyễn Ban ở Bình Lâm (Hiệp Đức) mặc dù đã ngoài 70 tuổi nhưng vẫn chăm chỉ học chữ quốc ngữ, đã được Bác Hồ gửi thư khen ngợi. Bức thư có đoạn viết: *“Đời xưa bên Trung Quốc có ông Tô Lão Tuyên 72 tuổi mới bắt đầu học, tiếng thom còn để đến ngày nay. Bây giờ nước Việt Nam ta cụ 77 tuổi mới đi học, chắc tiếng thom sẽ truyền khắp nước. Cụ thật xứng đáng bốn chữ “lão đương ích tráng”. Cụ là một tượng trưng phúc đức của nước nhà. Đó là một thành công to lớn và ý nghĩa sâu xa”*².

Tuy trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng các sinh hoạt văn hóa tinh thần của các tầng lớp Nhân dân vẫn được Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và đoàn thể

1. Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ I (1950), hệ thống giáo dục phổ thông của ta lúc đó gồm 3 cấp, đó là cấp I: 4 năm (lớp 1, 2, 3, 4), cấp II: 3 năm (lớp 5, 6, 7), cấp III: 2 năm (lớp 8, 9).

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 281.

cứu quốc các cấp chăm lo chu đáo. Nông hội cứu quốc tổ chức hội thi “*Tiếng hát nhà nông*”, vận động hội viên xây dựng nếp sống mới, cải tiến việc ma chay, cưới hỏi, ăn ở vệ sinh... Vợ tuồng Chị Ngộ, tiểu thuyết Con Trâu của nhà văn Nguyễn Văn Bổng về đề tài kháng chiến là những tác phẩm được nhiều người xem, đón đọc, cổ vũ; phong trào ca hát, múa tập thể, sinh hoạt lửa trại do các đoàn thể tổ chức diễn ra thường xuyên, tạo nên không khí phấn khởi, vui tươi, tin tưởng trong Nhân dân vùng tự do và có sức lan tỏa đến cả Nhân dân các vùng bị tạm chiếm.

Tình đoàn kết, thương yêu, tương thân tương trợ được bà con chăm lo vun đắp trong xóm làng, giữa Nhân dân sở tại và đồng bào tản cư đã tạo nên những tình cảm thân ái giữa các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Vì nghĩa lớn của cuộc kháng chiến, người ta gắn bó sâu sắc với nhau, chăm nom đùm bọc nhau, tình nghĩa đồng bào bền chặt hơn và hai chữ *đồng bào* cũng có thêm những sắc thái mới. Từ lời ăn tiếng nói thường nhật cho đến tập quán sinh hoạt đều có sự đổi thay: “*Phụ nữ ăn đũa hai đầu, lấy chồng bộ đội làm dâu Cụ Hồ*”. Trong đó lớn nhất là tình cảm đồng bào vùng tự do dành cho đồng bào vùng tạm chiếm:

*“Hòn cãm sông núi chắt chùng
Ai về bị chiếm cho lòng ta theo”*

Hay

*Ngó lên ngó xuống thì vui
Nhìn về bị chiếm bùi ngùi nhớ thương
Nhiều điều phủ lấy giá gương
Giúp vùng bị chiếm là thương giống nòi*

Không chỉ tổ chức nuôi dưỡng cán bộ du kích vùng bị chiếm vào an dưỡng, giúp đỡ đồng bào tản cư có nơi ăn chốn ở,

sớm ổn định cuộc sống; mà các đoàn thể cứu quốc vùng tự do còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm, trích quỹ mua thuốc men, cử đại biểu bí mật đi thăm hỏi, ủng hộ đồng bào vùng tạm chiếm. Đặc biệt, hưởng ứng chủ trương của tỉnh và Trung ương về việc giúp đỡ cách mạng Lào, Nhân dân xã Tam Dân (Phú Ninh) đã nhiệt tình giúp đỡ và bảo vệ cơ quan Ban Cán sự Hạ Lào và bộ đội Hạ Lào suốt hai năm liền khi về đây an dưỡng, huấn luyện.

Ở những vùng bị tạm chiếm, do không mở rộng thêm được phạm vi chiếm đóng, địch quay về lập hệ thống cứ điểm nhằm bảo vệ những nơi chúng vừa giành được và các trục hành lang. Tại Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hội An sau khi xây dựng xong hệ thống đồn bót dày đặc, chúng liên tiếp mở các cuộc càn quét vào những khu vực chúng chưa thể kiểm soát được để chiêu an, lập tề, dồn dân vào chung quanh các đồn bót. Đi đôi với thủ đoạn khủng bố, thực dân Pháp còn dùng thủ đoạn chính trị, chính sách chia rẽ, lợi dụng tôn giáo, mê hoặc một số người làm tay sai cho chúng chống lại kháng chiến, gây mâu thuẫn giữa lương và giáo. Một số nơi chúng bắt dân tập trung mít tinh, biểu tình..., chống cách mạng. Trong các cuộc càn quét, quân Pháp dùng nhiều thủ đoạn độc ác, xảo quyệt; mua chuộc, dụ dỗ đi đôi với khủng bố trắng, tàn sát, đốt nhà, cướp của, hãm hiếp, chém giết bất kể người già, trẻ em. Tại Điện Bàn, tháng 7 - 1947, địch dùng máy bay ném bom chợ Tư Phú, giết 200 đồng bào đang họp chợ; ngày 16 - 11 - 1947, địch mở cuộc càn lớn vào các làng Bích Trâm, Hà Thanh, La Thọ, Quang Hiên, Cổ Lưu giết 50 người và bắn chết nhiều trâu bò, đốt phá 1.030 nóc nhà. Sự đánh phá, càn quét liên tiếp của địch làm cho 2.750 mẫu ruộng ở Điện Bàn bị bỏ hoang, thêm vào đó là thiên tai lũ lụt làm cho đời sống Nhân dân càng khó khăn,

hiều nơi bị đói nặng. Tại Đại Lộc, tháng 8 - 1947, chúng tàn sát rồi chặt đầu 28 người đem bêu ở sân vận động Mỹ Hòa.

Trước tình hình đó, tháng 1 - 1948, Hội nghị Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng tạm chiếm, đánh bại kế hoạch bình định, dồn dân, lập tề của địch. Hàng trăm cán bộ đã qua thử thách và có kinh nghiệm được tăng cường cho các vùng bị địch kiểm soát. Nhờ đó, tình hình bước đầu có những chuyển biến tích cực, cơ sở cách mạng tiếp tục được xây dựng, phong trào kháng chiến được duy trì.

Trên mặt trận kinh tế - chính trị, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh vận động Nhân dân đấu tranh chống thu thóc, chống nộp thuế, chống đi phu, đi lính. Một mặt ta ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc tại chỗ cho kháng chiến; đồng bào từng ngày, từng giờ vừa sản xuất, vừa chống giặc, bảo vệ hoa màu. Mỗi khi đến mùa thu hoạch, Nhân dân và lực lượng dân quân du kích tập trung giành giặt hoa màu với quân thù trên từng thửa ruộng. Mặt khác, ta tăng cường đấu tranh với địch, kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hoá giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, ngay cả khi địch ra sức kiểm soát, cấm lưu hành bạc Tín phiếu¹, nhưng đồng bào ta vẫn tin tưởng và trân trọng tiêu dùng, tẩy chay tiền Đông Dương của Pháp. Song song với việc du kích mở rộng vùng kiểm soát, ta tổ chức họp chợ, phá chợ địch, bài trừ hàng ngoại hóa, hàng xa xỉ phẩm.

*“Duy Sơn thách với Duy Hòa
Đừng đi chợ địch mới là thi đua”*

1. Để đảm bảo chủ động chi tiêu cho kháng chiến và chuẩn bị đấu tranh kinh tế tài chính với địch, Chính phủ ta cho lưu hành đồng bạc Việt Nam ở miền Nam Trung Bộ. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, chiến trường chia cắt, năm 1947, Trung ương cho Nam Trung Bộ phát hành tờ Tín Phiếu, thu dần đồng bạc Việt Nam.



Ông CAO SƠN PHÁO
Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN
(cuối năm 1949 - 3/1951)

Phong trào Nhân dân du kích chiến tranh nổ ra ở nhiều nơi, Nhân dân đánh địch bằng tất cả những gì có trong tay. Tại Điện Bàn, du kích Chơn Hoà (Điện Nam) dùng đòn gánh đánh chết 2 tên địch ở bến đò Sở, thu 2 khẩu súng; cụ Nguyễn Đệ (Điện Tiến), dùng gọng bừa đánh chết lính Tây; cụ Hương Tam, bạch đầu quân xã Điện Quang mưu trí dùng nước đường đang sôi diệt địch, cướp súng tìm du kích bàn giao; ông Tào Hào (Điện Quang) bị giặc bắt vào đồn Xuân Đài giúp chúng đốn tre, lừa lúc chúng sơ

hở, đã dùng rựa chém vào cổ một tên lính Pháp, cướp súng, bơi qua sông về làng gia nhập dân quân chiến đấu...

Phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, trong chiến dịch Đông Xuân 1948 - 1949, ta chọn đèo Hải Vân làm điểm mở màn chiến dịch. Mặc dù tại thời điểm đó, Nhân dân tây bắc Hòa Vang vừa trải qua những ngày gian khổ trước chính sách “tam quang” (đốt sạch, phá sạch, giết sạch) của giặc Pháp, nhưng đồng bào vẫn tích cực tham gia. Đặc biệt các nữ giao liên của Nam Ô đã dũng cảm, mưu trí dùng thuyền chở cán bộ của tỉnh và Huyện đội Hòa Vang qua trạm kiểm soát Quan Nam, xuôi theo sông Trường Định về Nam Ô chuẩn bị trận đánh. Hàng ngàn đồng bào tây bắc Hòa Vang mua gạo dự trữ, có nhiều gia đình bán từng gánh củi, mua từng lon gạo dành dụm chuẩn bị cho chiến

địch. Đêm đêm các đoàn thể cứu quốc như thanh niên, phụ nữ bí mật huy động hội viên hợp pháp vận chuyển gạo tập trung về Nam Ô, Trung Sơn, Xuân Thiều, Hưởng Phước để đưa lên núi phục vụ bộ đội. Nhân dân tổ chức cảnh giới, che chở, xóa dấu chân hành quân, tiếp tế cơm nước ròng rã 36 ngày đêm giúp bộ đội vượt qua nhiều phòng tuyến của địch, để tiếp cận với chiến trường, góp phần quan trọng vào thắng lợi của trận đánh.

Tháng 8 - 1949, bộ đội địa phương, dân quân du kích Quảng Nam đã phối hợp chặt chẽ cùng bộ đội chủ lực Liên khu 5 mở cuộc tập kích vào cứ điểm Thu Bồn - phía tây Duy Xuyên, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở đây, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, làm rung chuyển cả hệ thống tiền đồn phía nam của địch. Đây là một trận đánh hay, bí quyết thắng lợi là bí mật, bất ngờ, sự phối hợp chặt chẽ giữa quân, dân, chính địa phương và chủ lực, kết hợp quân sự và binh vận, giữa bên trong và bên ngoài, thể hiện đặc sắc tính chất chiến tranh nhân dân của Đảng. Cùng với Duy Xuyên, phong trào chiến tranh Nhân dân phát triển đều khắp các vùng tạm bị chiếm; du kích Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc..., tiến công đồn Cẩm Phô (Hội An), tập kích đồn Núi Lở (Đại Lộc), phục kích tiêu diệt địch ở Lục Giáp (Điện Bàn). Với những nỗ lực của quân và dân ta, đến cuối tháng 9 - 1949, vùng phía tây Duy Xuyên, nam Đại Lộc được giải phóng, nối liền với vùng tự do phía nam của tỉnh, góp phần động viên tinh thần cách mạng, quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược.

Bước sang năm 1950, bộ đội chủ lực cùng dân quân, du kích các địa phương tiếp tục mở các cuộc tiến công địch. Nhân dân xã Điện Hòa (Điện Bàn) cảnh giới, cải trang xóa dấu chân, nắm tình hình địch, giúp Trung đoàn 108 hành quân từ chiến

khu Phú Túc xuống đóng ở địa phương. Tại đây, bộ đội được Nhân dân bí mật nuôi giấu trong nhà, mặc dù hàng ngày địch thường xuyên lùng sục khắp thôn xóm, nhưng chúng không thể nào phát hiện được cả một trung đoàn đang ở trong dân, tạo nên yếu tố bất ngờ để ngày 6 - 2 - 1950, bộ đội nổ súng đánh đoàn xe địch tại Gò Phạt phía bắc Thanh Quýt (Điện Thắng), diệt một đại đội lính lê dương, bắt 50 tên, phá hỏng 14 xe. Đặc biệt, từ tháng 8 - 1950 trở đi, phối hợp với chiến dịch Biên giới Thu Đông, quân và dân Quảng Nam liên tục tiến công địch ở Bảo An, Điện Hoà, Vĩnh Điện (Điện Bàn), Cẩm Phô (Hội An)..., gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở Trường Định, Nam Định, Hiền Phong dân bung về làng cũ, đưa tài sản cất giấu vào núi, tham gia du kích, canh gác, bố phòng. Ở những nơi chưa bung ra được thì đấu tranh chống bắt lính, chống nộp thuế, chống tập trung tài sản.

Kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự, ngày 10 - 2 - 1950, Hội Trung Hoa kiều vụ Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức biểu tình, tuần hành khắp thành phố Đà Nẵng, hoan nghênh việc thừa nhận quan hệ ngoại giao giữa hai Chính phủ Việt Nam và Trung Hoa, với sự tham gia của hơn 3.000 người cả Hoa và Việt¹.

Những chiến thắng mà quân và dân Quảng Nam đạt được trong giai đoạn này, đã góp phần cùng với cả nước đẩy địch vào thế bị động đối phó, tạo bàn đạp để ta tấn công địch giành thắng lợi trong giai đoạn tiếp theo.

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 679.

III. MẶT TRẬN LIÊN VIỆT TỈNH QUẢNG NAM CÙNG CẢ NƯỚC CHUYỂN SANG TỔNG PHẢN CÔNG, ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1954)

1. Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt, củng cố hậu phương, phát triển cuộc kháng chiến

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 đã đưa cuộc kháng chiến của Nhân dân ta chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Nhưng cũng trong thời gian này, được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp âm mưu cố giành lại quyền chủ động. Cuộc chiến tranh trở nên gay go, quyết liệt.

Ở vùng tạm chiếm của tỉnh, một mặt chúng ra sức bố phòng, đánh phá các khu du kích, củng cố tháp canh, đồn quân bắt lính, tiến hành chiêu an quyết liệt, mặt khác chúng tăng cường cướp bóc, vơ vét, đặt ra nhiều thứ thuế để bóc lột nhiều hơn. Ở vùng du kích, chúng bao vây, càn quét, cướp phá hoa màu, các kho dự trữ của ta; phá hoại vùng căn cứ hậu phương và chuẩn bị tiến công vào các vùng tự do của ta.

Đối phó với các âm mưu, thủ đoạn mới của Pháp - Mỹ, tranh thủ các điều kiện trong và ngoài nước đang có nhiều thuận lợi để đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Từ ngày 11 đến ngày 19 - 2 - 1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II khai mạc tại chiến khu Việt Bắc. Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối kháng chiến: *“Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế”*, đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Nhân



Ông HỒ NGHINH

Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt tỉnh (3/1951 - 7/1954); Chủ tịch MTDG tỉnh Quảng Đà (10-1967); Chủ tịch MTDG Đặc khu Quảng Đà (11/1967 - 10/1975); Chủ tịch MTDG tỉnh QN-ĐN (10/1975 - 7/1977)

dân ta. Xác định nhiệm vụ cấp bách là đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Tiếp theo, từ ngày 3 - 3 đến ngày 7 - 3 - 1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một Mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt), thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ của Mặt trận. Mục đích phấn đấu của Mặt trận Liên Việt là: Tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược, đánh bại bọn can thiệp Mỹ, trừng trị Việt gian phản quốc, củng cố và phát triển chế độ dân chủ Nhân dân, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân

chủ, tự do, phú cường và góp sức cùng Nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình lâu dài. Đại hội đã cử ra Ủy ban toàn quốc của Mặt trận Liên Việt gồm 53 thành viên, do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch, Hồ Chí Minh là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Liên Việt. Báo *Cứu quốc* - cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh, chuyển thành cơ quan ngôn luận của Trung ương Mặt trận Liên Việt.

Thành công của Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt là một sự kiện chính trị quan trọng, là hình ảnh “...rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân và nó có một cái tương lai

trường xuân bất lão"¹. Khối đại đoàn kết dân tộc đã tạo thành một lực lượng vĩ đại, thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến đi đến thắng lợi, kiến quốc thành công.

Thực hiện chủ trương hợp nhất của Trung ương, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng cũng được hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, do ông Hồ Nghinh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm, ông Vũ Trọng Hoàng làm Phó Chủ nhiệm. Cùng thời gian này, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh cũng tổ chức đại hội, bầu ban chấp hành, do bà Hồ Thị Như Cẩn làm Hội trưởng. Nông hội tỉnh do ông Nguyễn Thế Kỷ làm Bí thư. Đoàn Thanh niên cứu quốc tỉnh do Lâm Quang Huyền làm Bí thư...

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã tập trung xây dựng khối đoàn kết dân tộc, động viên các tổ chức thành viên thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy: Phá chiêu an đồn dân lập tề, nắm lại từng bộ phận Nhân dân vùng bị chiếm; giữ vững và mở rộng các vùng căn cứ địa đã có, lập các căn cứ địa mới, tạo thành thế kết nối liên hoàn, kể cả việc hình thành các khu căn cứ du kích ở vùng sau lưng địch; đẩy mạnh du kích chiến lên cao độ, tạo điều kiện tiến hành vận động chiến, tiêu diệt sinh lực địch. Thực hiện chủ trương đó, các tổ chức thành viên của Mặt trận Liên Việt các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục hội viên, vận động hội viên hưởng ứng nổi dậy đấu tranh với nhiều hình thức phong phú về kinh tế, chính trị, quân sự, liên tiếp gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Trong thời gian này, trên địa bàn miền núi, để tiếp tục hóa giải mối nghi kỵ sau vụ quân Pháp bắt ép một số người dân Đăk

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập VI, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, trang 181.

Glei (Kon Tum) dẫn đường càn quét, cướp bóc, giết hại đồng bào làng Xà Riêng (Phước Sơn) vào tháng 6 - 1950, đang có nguy cơ dẫn đến một sự “*trả đầu*”. Các ông Vũ Quỳnh (Bí thư Huyện ủy), Phạm Đình Thông, Đinh Xấu, Nguyễn Xuân Hùng thay mặt cho chính quyền và Mặt trận Liên Việt huyện Phước Sơn trực tiếp xuống làng Bhaneng Meo để vận động Nhân dân, giải thích rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù và coi những người dẫn đường là nạn nhân bị giặc Pháp o ép, không phải là kẻ phản bội tiếp tay cho giặc và kêu gọi đồng bào đoàn kết chống quân thù, không để thực dân Pháp lợi dụng sơ hở gây chia rẽ, chống phá cách mạng. Đồng thời phối hợp Mặt trận Liên Việt huyện Đăk Glei tổ chức lễ đâm trâu huê, để dân làng vùng giáp ranh ăn thề đoàn kết dưới cờ Tổ quốc và ảnh Bác Hồ, đồng đảo bà con làng Bhaneng Meo và các làng giáp ranh huyện Đăk Glei đến dự. Lễ ăn thề đoàn kết kéo dài một ngày đêm, các dân làng cùng “*ta mút*”, uống rượu cần, múa hát công chiêng, cam kết xóa bỏ nạn “*trả đầu*”.

Về xây dựng lực lượng bán vũ trang, đến đầu năm 1951 ở Quảng Nam có 267.290 dân quân du kích, gồm 265.950 dân quân và 1.340 du kích xã tập trung. Lực lượng vũ trang sắp xếp theo biên chế của Liên khu đến cuối năm 1951 có 3.123 người. Ngay tại những vùng xung yếu như Hòa Liên, Hòa Thắng, Hòa Nhơn..., lực lượng dân quân cũng chiếm tỷ lệ lớn. Mỗi xã đều có đội du kích tập trung từ 30 đến 50 người. Tại Đà Nẵng, lực lượng bán vũ trang có 2.215 người gồm 1.580 nam dân quân, 497 nữ dân quân, 49 bạch đầu quân, 40 thiếu sinh quân và 49 du kích mật. Trên cơ sở lực lượng vũ trang và bán vũ trang ngày càng trưởng thành, chỉ trong tháng 1 và tháng 2 - 1951, bộ đội địa phương của tỉnh đã đánh 29 trận, diệt 127 tên; du kích

đánh 32 trận, diệt 53 tên, có nơi như ở Điện Ngọc, du kích đã mưu trí dùng mìn giết chết tên sĩ quan Pháp - đồn trưởng đồn Tứ Câu, khiến địch hoang mang, lo sợ, không dám hung hăng đi lùng sục như trước. Phát huy những thắng lợi vừa đạt được, ngày 1 - 5 - 1951, bộ đội ta tiến công tiêu diệt tháp canh Cây Bản (Duy An, Duy Xuyên) - đây là một trong những tháp canh quan trọng trong hệ thống kiểm soát liên hoàn trên quốc lộ 1 đoạn Vĩnh Điện - Bà Rén do một tiểu đội địch đóng giữ. Tại Điện Bàn, vùng trọng điểm thực hiện kế hoạch chiêu an của địch, chỉ trong tháng 7 - 1951, ta diệt 11 tháp canh, làm thất bại kế hoạch mở rộng hệ thống tháp canh của địch, đưa phong trào du kích chiến tranh phát triển lên một bước mới. Qua thực tiễn chiến đấu đã xuất hiện nhiều tấm gương dũng cảm như Bùi Chát ở Đại đội công binh Hải Vân; Nguyễn Thị Dung - chiến sĩ binh vận Hội An; Trần Đích - chiến sĩ du kích xã Điện Ngọc (Điện Bàn) đã gan dạ, mưu trí dùng mìn giết chết tên sĩ quan Pháp, đồn trưởng đồn Tứ Câu; Lê Thị Ngoạt - cơ sở bảo vệ cán bộ ở Đại Lộc; Phạm Thị Biên - nữ chiến sĩ biệt động thành Đà Nẵng mưu trí dùng mìn đánh cháy kho xăng Nại Hiên, diệt tiểu đội lính Âu - Phi và thiêu hủy gần 1 vạn phuy xăng của địch; Trần Văn Nhu - công nhân hỏa xa, gan dạ phối hợp với công binh đặt mìn làm nổ tung một đầu máy xe lửa chở hàng quân sự tại ga Nam Ô...

Phối hợp với đấu tranh quân sự, ngày 1 - 5 và ngày 19 - 5 - 1951, dưới sự lãnh đạo của Công đoàn bí mật, công nhân Đà Nẵng, Hội An đã rải truyền đơn, căng biểu ngữ lên án hành động khùng bố của địch, nêu yêu sách đòi tăng lương, tăng phụ cấp, chống bắt lính, làm rối loạn hậu phương của địch.

Phong trào vận động tham gia nuôi quân cũng được Mặt

trận Liên Việt các cấp quan tâm thường xuyên. Chỉ trong một đợt vận động, Nhân dân vùng giáp ranh đã đóng góp cho du kích vùng sau lưng địch ở Cẩm Lệ, Hòa Tiến 127.000 đồng Việt Nam và 200 đồng Đông Dương để mua sắm nắp hầm bí mật và dụng cụ sinh hoạt. Nhân dân còn đài thọ 2/3 nhu cầu ăn, mặc cho các đại đội tập trung. Nhờ vậy, lực lượng vũ trang Quảng Nam - Đà Nẵng từng bước trưởng thành ngay từ trong lòng Nhân dân.

Trên mặt trận đấu tranh kinh tế, các cán bộ của Mặt trận Liên Việt đi sâu vận động Nhân dân dùng bạc tín phiếu và bạc Việt Nam ngay cả ở vùng tạm bị chiếm; gắn với phong trào bảo vệ chợ ta, phá địch lập chợ Phú Hòa, Diên Phong, giải tán chợ Bến Hực; giáo dục các tầng lớp Nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ hàng nội địa, bài trừ hàng cấm, hàng xa xỉ phẩm; đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với Nhân dân các tỉnh láng giềng. Ngành tiểu, thủ công nghiệp trong tỉnh cũng dần dần được hồi phục và phát triển. Ở các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, sản phẩm của Nhân dân làm ra không chỉ thỏa mãn nhu cầu tại chỗ, mà còn bán ra các tỉnh thuộc vùng tự do Liên khu 4, vào tận các tỉnh phía nam thuộc Liên khu 5 như Quảng Ngãi, Bình Định... Các phong trào thi đua nhằm cải tiến kỹ thuật, vượt mức sản xuất, nâng cao đời sống công nhân được Liên hiệp Công đoàn tỉnh phát động trong các cơ quan, xí nghiệp, đem lại nhiều kết quả thiết thực.

Văn hóa, giáo dục, y tế cũng có bước chuyển biến. Đầu năm 1952, ngành giáo dục tỉnh mở nhiều lớp học nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Nhờ vậy, giáo dục bình dân học vụ và giáo dục phổ thông có những bước tiến đáng kể. Nếu năm 1950, giáo dục bình dân

học vụ toàn tỉnh chỉ có 69.389 học viên, thì đến năm 1951 tăng lên 112.700 học viên. Về giáo dục phổ thông toàn tỉnh có 39.500 học sinh và 502 giáo viên (cả cấp 1 và cấp 2).

Mạng lưới y tế ngày càng được củng cố và phát triển. Phong trào uống nước đun sôi, ăn đũa 2 đầu, dùng thuốc nam chữa bệnh lan rộng. Cán bộ y tế của tỉnh về tận các thôn xóm để chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho Nhân dân.

Phong trào văn hóa văn nghệ diễn ra khắp nơi, nhất là trong tầng lớp thanh thiếu niên, bộ đội. Với nhạc cụ cổ truyền của dân tộc, trong những lúc rảnh rỗi bộ đội cùng với thanh thiếu niên địa phương ca hát, nhảy múa, tạo nên cuộc sống tinh thần vui tươi, lành mạnh trong từng thôn xóm. Các đoàn nghệ thuật, văn công thường xuyên biểu diễn tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Mặt trận. Báo *Thái Phiên* của Đà Nẵng, báo *Chiến Thắng* của Quảng Nam, cùng nhiều sách, báo, tranh ảnh khác đã góp phần giáo dục chính trị cho Nhân dân.

Để đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến, phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, tháng 3 - 1952, Đại hội Đảng bộ tỉnh chủ trương: Về quân sự phải lấy phương châm du kích chiến tranh là chính, học tập đánh vận động chiến trong điều kiện thuận lợi. Trong vùng du kích và vùng tạm chiếm phải nắm vững phương châm của Trung ương là kết hợp chặt chẽ công tác dân vận, ngụy vận và phát triển du kích chiến tranh, lấy dân vận làm căn bản. Riêng trong vùng du kích, chiến tranh du kích là hình thức đấu tranh chính để thúc đẩy toàn bộ các mặt đấu tranh. Vùng tự do phải tăng cường phòng thủ miền biển, miền núi, chống phi cơ oanh tạc, đề phòng gián điệp, chú ý cơ quan và các cơ sở kinh tế quốc phòng; về kinh tế tài chính

phải chú trọng đẩy mạnh sản xuất ở các vùng bị chiếm, vùng du kích, vùng căn cứ địa nhằm giải quyết vấn đề lương thực tại chỗ; đồng thời thực hiện tốt chính sách ruộng đất của Đảng. Về chính trị, đối với công tác dân vận, mặt trận, phải chú ý công tác rèn luyện tư tưởng và lập trường cho cán bộ, đoàn viên, hội viên; chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc, đặc biệt ở cơ sở vùng tạm bị chiếm, phải động viên đoàn viên, hội viên thực hiện công tác trọng tâm của Đảng, Chính phủ nhằm phục vụ tiền tuyến, tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh.

Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại như: Việc thực hiện chủ trương của Liên khu 5 về “*kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, tăng cường xã*” có nhiều lệch lạc, các đoàn thể ở vùng tạm chiếm được tổ chức và hoạt động như ở vùng tự do, làm cho việc thực hiện các chủ trương của Đảng còn hạn chế. Do cách tổ chức chưa đồng bộ, không tuyên truyền giải thích cho họ hiểu rõ, thậm chí có nhiều người vào Hội mà không hiểu điều lệ Hội, mặt khác, tổ chức trong phạm vi rộng nên ảnh hưởng đến việc tập hợp, sinh hoạt chưa thiết thực với họ, ít bàn đến công việc làm ăn, quyền lợi thiết thực của họ mà chỉ động viên chính trị suông. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 22 thành viên, ông Võ Toàn được Liên khu ủy V chỉ định làm Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, song song với việc kiện toàn công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Liên Việt và lực lượng vũ trang là công tác chỉnh huấn. Theo đó, ở vùng tự do lấy công tác thuế nông nghiệp, vùng núi lấy công tác thương du vận, vùng tạm bị địch chiếm lấy chính sách chống tổng động viên của địch làm nội dung chỉnh huấn. Tuy nhiên, để khắc phục nạn đói do thiên tai gây ra vào đầu năm 1952, thì nhiệm

vụ trọng tâm cần tập trung giải quyết lúc đó là phát động phong trào thi đua sản xuất tự túc, để đẩy lùi nạn đói, tạo thực lực cho kháng chiến.

Cùng thời gian này, tình hình của tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, các trận bão lụt lại xảy ra liên tiếp, gây thiệt hại nặng về tính mạng và tài sản của Nhân dân, các vùng dọc triền sông Đại Lộc mất mùa nặng. Nhiều nơi mất sạch như Thăng Lâm (nay thuộc Hiệp Đức), Quế Châu (Quế Sơn), Tam Hải (Núi Thành), Tiên Quang (Tiên Phước)... Trong lúc đó, địch lại ra sức bao vây, càn quét, cướp bóc, đốt phá, kiểm soát đường sông, đường bộ. Ở vùng tự do, chúng đổ bộ vào ven biển đốt phá ghe thuyền, bắt người cướp của, thả bom vào những nơi tập trung dân ở như Trung Phước (Nông Sơn), Chợ Đước (Thăng Bình), Cây Sanh, Chiên Đàn (Phú Ninh), An Tân (Núi Thành), gây nhiều thiệt hại về người và của cho Nhân dân.

Hậu quả thiên tai, bão lụt và sự đánh phá của giặc Pháp làm cho tình hình kinh tế trong tỉnh lâm vào tình cảnh khó khăn nghiêm trọng, dẫn đến nạn đói năm 1952. Lúc đầu, nạn đói xảy ra ở nông thôn và ven biển, đến tháng 7 - 1952, nạn đói gần như lan ra toàn tỉnh, trong đó trầm trọng nhất là các địa phương thuộc các huyện Thăng Bình và Tam Kỳ.

Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp trong tỉnh vừa đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân tăng gia sản xuất; vừa phát động phong trào tương thân tương ái, giúp đỡ đồng bào bị đói. Với tinh thần *"một miếng khi đói bằng một gói khi no"*, Nhân dân nhiều nơi tự nguyện góp gạo, rau, thóc giống, tiền, áo quần, công sức giúp đỡ những gia đình bị đói và những địa phương gặp khó khăn. Học sinh trường Phan Châu Trinh tham gia 230 công vận chuyên, đưa hàng cứu trợ đến tận tay Nhân dân. Tính

đến tháng 12 - 1952, cơ quan, bộ đội, Nhân dân đã giúp cho đồng bào bị đói gần 23 tấn gạo, trên 100 tấn lúa, hơn 8.000 tấn bắp, gần 2.000 bộ quần áo, chưa kể số hàng viện trợ trong thôn xóm láng giềng với nhau.

Phong trào tăng gia sản xuất diễn ra sôi nổi, rầm rộ. Trong đợt thi đua từ ngày 1 - 5 đến ngày 2 - 9 - 1952, Tam Kỳ và Thăng Bình là nơi đạt được nhiều thành tích nhất. Trước yêu cầu về nước tưới, cùng với việc tiến hành sửa các công trình thủy nông An Trạch, các đập Hồ Chình, Hồ Gia, Đá Chồng..., Nhân dân Tam Kỳ cùng nhau đắp đập Thác Mui, đào kênh Ba Kỳ. Ở vùng tạm bị chiếm, ta vận động Nhân dân bám ruộng đồng, đấu tranh bảo vệ hoa màu. Cùng với nông dân, nhân viên các cơ quan, đoàn thể, công nhân các xí nghiệp..., cũng trồng hoa màu, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực trong tỉnh.

Nhờ những chủ trương và biện pháp kịp thời ấy không những nạn đói trong tỉnh được đẩy lùi, mà trong sản xuất còn đạt nhiều thành tích quan trọng. Năm 1952, sản lượng hoa màu phụ tăng gấp hai, ba lần so với năm 1951.

Bên cạnh những thành tựu trong sản xuất, cũng giống như tình hình chung của cả nước, tình hình thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở nhiều nơi còn có những sai phạm, lệch lạc. Việc bồi dưỡng sức dân theo lối bình quân, chưa chú ý đúng mức đến bản cố nông, gây ảnh hưởng đến phong trào, khối đoàn kết ở nông thôn chưa vững chắc, cá biệt ở một vài nơi bản cố nông bị phú nông, địa chủ chèn ép, bóc lột. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do hoạt động của Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp vẫn còn mang tính hình thức, như báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng (11 - 12 - 1952) đã nêu: “*Gần đây công tác mặt trận lu mờ...; các đoàn thể,*

các cơ quan chưa chú ý làm công tác mặt trận. Bản thân Mặt trận cũng chưa thực hiện đúng chính sách, những sai lầm chưa được điều chỉnh, những thắc mắc trong các tầng lớp chưa được giải quyết, chưa thuyết phục đấu tranh, xây dựng tư tưởng cho các tầng lớp trên. Các đoàn thể quần chúng thì rời rạc, thiếu sinh hoạt, nhiều nơi mất hẳn, không đảm bảo được công tác, khó tập hợp để động viên và giáo dục nhất là các tổ chức Nông hội không được chú ý xây dựng đúng mức”¹.

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng có chủ trương khắc phục những sai lầm, khuyết điểm có nội dung như trên diễn ra ở nhiều địa phương trong cả nước. Theo đó, từ ngày 17 đến ngày 21 - 2 - 1953, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị học tập chính sách ruộng đất của Đảng, trong đó nhấn mạnh: “*Đối với vùng du kích, việc giảm tô tùy theo hoàn cảnh từng nơi, căn cứ vào trình độ giác ngộ của nông dân, vào điều kiện địch và ta, khả năng lãnh đạo của cán bộ mà tiến hành giảm tô. Đối với vùng tạm bị chiếm, tùy từng nơi mà có thể đặt vấn đề giảm tô, nguyên tắc là nhằm đem lại quyền lợi cho nông dân, đảm bảo giữ được cơ sở và phong trào”².*

Sau khi khắc phục những sai lầm, hạn chế, bộ mặt nông thôn Quảng Nam có nhiều chuyển biến, văn hóa, xã hội từng bước được nâng cao. Ở miền núi, phong trào xây dựng nếp sống mới ngày càng đi vào chiều sâu. Ở các vùng tự do, công cuộc phản phong diễn ra khá mạnh mẽ, thể hiện qua cuộc đấu tranh với các địa chủ gian ác như Phan Cách (Tiên Phước), Huỳnh Khóa, Huỳnh Đỉnh (Tam Kỳ)...; vạch trần tính chất phản động

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 746 - 747.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 125.

của tổ chức Quốc dân đảng qua các hành động phản nước, hại dân của Hồ Đệ (Tam Thái), Võ Mạnh Phát (Thăng Bình) tại cuộc xử án của Tòa án Liên khu 5.

Mạng lưới giao thông liên huyện, liên xã và các tuyến đường huyết mạch như Tam Kỳ - Trà My, Trường Xuân - Trung Phước, Quán Rường - Việt An - Tân An liên tục được củng cố và mở rộng. Đặc biệt, chỉ trong thời gian ngắn ta đã khôi phục và sửa chữa 70 km đường từ Thạnh Mỹ đi Nam Đông, nối liền Quảng Nam - Đà Nẵng với Bình - Trị - Thiên, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển quân đội, lương thực, thuốc men, quân trang, quân dụng phục vụ các chiến trường.

Trên mặt trận quân sự, hoà cùng khí thế tiến công của quân và dân cả nước nói chung và Liên khu 5 nói riêng, các lực lượng vũ trang Quảng Nam vừa phân tán về cơ sở chống càn, vừa đánh địch trên nhiều tuyến đường giao thông quan trọng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Qua 3 tháng đầu năm 1953, phối hợp với hoạt động Đông Xuân trên chiến trường Liên khu 5, Nhân dân và các lực lượng vũ trang Quảng Nam đánh 208 trận, diệt 195 tên, bắt sống 14 tên khác. Phát huy thắng lợi vừa giành được, Bộ tư lệnh Liên Khu 5 quyết định mở chiến dịch Hè 1953 trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng. Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương; hàng ngàn dân công được huy động để vận chuyển lương thực, súng đạn... Ngày 12 - 4 - 1953, ta nổ súng đánh vào cứ điểm Bà Rén (Quế Sơn), đập tan mọi sự chống trả quyết liệt của kẻ thù và làm chủ cứ điểm. Sau đó, ta tiếp tục tiến công, diệt cứ điểm Cầu Chìm, Non Trục, đột nhập đánh địch ở vùng trung Duy Xuyên; hạ tháp canh Tuý La (Điện Hồng), đánh vào khu hành chính Kỳ Lam (Điện Quang) diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ phong trào du kích chiến tranh.

Qua chiến dịch hè 1953, ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.500 tên địch, bắt sống 242 tên, thu hơn 3.000 súng các loại. Nhưng quan trọng và có ý nghĩa nhất là ta đã phá được thế uy hiếp của địch, hỗ trợ đắc lực phong trào đấu tranh của Nhân dân vùng tạm chiếm, giữ vững phong trào Nhân dân du kích chiến tranh trong tỉnh. Đó là tiền đề, là cơ sở vô cùng quan trọng để quân và dân Quảng Nam cùng với cả nước bước sang Đông - Xuân 1953 - 1954.

2. Mặt trận Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng phát huy sức mạnh của quân và dân toàn tỉnh, góp phần đánh bại thực dân Pháp trong cuộc chiến Đông Xuân 1953 - 1954, kết thúc chiến tranh

Sau 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, lực lượng của thực dân Pháp trên chiến trường Đông Dương đến năm 1953 đã bị suy yếu rõ rệt, vùng chiếm đóng của chúng bị thu hẹp, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán ngày càng sâu sắc. Những khó khăn, bế tắc về kinh tế - xã hội ở nước Pháp cũng ngày càng tăng lên. Mặc dù vậy, thực dân Pháp vẫn chủ trương tranh thủ thêm viện trợ của Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh, hòng tìm một “*lối thoát danh dự*”. Ngày 7 - 5 - 1953, được sự thoả thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử tướng Henri Eugène Navare (Na-va) sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương thay tướng R.Salan (R.Xa-lăng). Sang Đông Dương, đích thân Na-va trực tiếp thị sát chiến trường và đề ra kế hoạch quân sự mới mang tên mình.

Đây là kế hoạch quân sự có quy mô rộng lớn, thể hiện tập trung sự cố gắng lớn nhất và cuối cùng của thực dân Pháp, có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm

lược Đông Dương. Cả Pháp - Mỹ đều hy vọng với kế hoạch Na-va, trong 18 tháng, chúng sẽ “*chuyển bại thành thắng*”.

Thực hiện kế hoạch quân sự mới, trên chiến trường Liên khu 5, Na-va tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh mở “*Chiến dịch Atlante (Át-lăng)*” tiến công đánh chiếm Tuy Hoà (Phú Yên), rồi mở rộng đánh chiếm toàn bộ vùng tự do của ta ở Liên khu 5. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, thực dân Pháp tăng cường bắt lính, phát triển dân vệ, củng cố vùng tạm chiếm, đánh phá vùng du kích và tung lực lượng do thám, gián điệp vào vùng tự do nắm tình hình, chuẩn bị lấn chiếm vùng tự do.

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương, đồng thời trên cơ sở nhận định âm mưu mới của Pháp - Mỹ. Tháng 9 - 1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954, với quyết tâm giữ vững quyền chủ động chiến lược, đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, với phương hướng chiến lược: “*Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công chiến lược vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng*” và phương châm chiến lược chung trong toàn bộ cuộc tiến công Đông Xuân là: “*Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt*”, “*Đánh chắc thắng*”¹.

Quán triệt kế hoạch của Trung ương, Liên khu ủy 5 xác định: Ở vùng địch hậu, phải đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh

1. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 1964, trang 47.

sâu vào thành thị, tìm chân địch phối hợp chặt chẽ với chiến trường Tây Nguyên, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng. Vùng tự do tự đảm nhận nhiệm vụ đánh địch, khẩn trương xây dựng lực lượng về mọi mặt, vùng nào địch chưa đến phải động viên Nhân dân tham gia dân công phục vụ tiền tuyến.

Từ ngày 13 đến ngày 17 - 2 - 1954, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng họp Hội nghị mở rộng, căn cứ kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954 của Trung ương và phương hướng của Liên khu ủy 5, đồng thời trên cơ sở nhận định tình hình địch ta, đánh giá những ưu khuyết điểm trong công tác lãnh đạo kháng chiến của các địa phương, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương mới về đẩy mạnh chiến tranh du kích, về quân sự về phương pháp và hình thức hoạt động của Mặt trận cũng như các đoàn thể chính trị... Theo đó, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị xác định công tác chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ và Nhân dân là mấu chốt, từ đó đẩy mạnh công tác vận động quần chúng đấu tranh chính trị, vạch trần âm mưu thủ đoạn của Pháp - Mỹ, chống đôn quân, bắt lính; tăng cường công tác giáo dục Nhân dân, tổ chức đấu tranh hợp pháp...

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể được kiện toàn về tổ chức. Ban Hoa vận, Tôn giáo vận và Liên hiệp Công đoàn, Hội Nông dân cứu quốc, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ ngay cả ở những vùng bị tạm chiếm, cũng từng bước được củng cố. Chỉ tính riêng Nông hội với hơn 100.000 hội viên vào cuối năm 1950 đã phát triển lên 180.000 hội viên vào tháng 6 - 1953; đoàn viên Công đoàn từ hơn 18.000 năm 1952 đã tăng lên gần 22.000 vào năm 1953. Ở các vùng trung du và miền núi thì lấy từng nóc làm cơ sở và

dựa vào các đoàn thể nông dân, phụ nữ, thiếu nhi để thực hiện công tác chinh đồn tổ chức quần chúng; đồng thời vận động hội viên, Nhân dân tham gia các phong trào cách mạng phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng giới.

Đầu năm 1954, hòa nhịp với chiến trường đang sôi động cả nước, quân và dân Quảng Nam cũng mở những trận quyết chiến với địch. Mở đầu là trận tập kích, tiêu diệt hoàn toàn lô cốt Gò Đình (Ái Nghĩa, Đại Lộc) vào đêm ngày 4 - 1 - 1954; đánh vào thị xã Hội An (7 - 1 - 1954), sào huyệt của bọn đầu sỏ nguy quyền Quảng Nam, đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần tiến công tiêu diệt địch của bộ đội và Nhân dân ta, khiến kẻ thù khiếp sợ, tinh thần binh lính địch hoang mang, dao động. Cũng trong đêm 7 - 1 - 1954, bộ đội ta hạ đồn Châu Lâu và Non Trục (Duy Xuyên). Ngày 22 - 3 - 1954, ta tiếp tục đánh vào Hội An, diệt trụ sở bù nhìn tỉnh Quảng Nam và 3 vị trí địch ở phía bắc thị xã. Tại Đại Lộc, ta phá sập 3 cầu, cắt đứt giao thông trên đoạn đường Túy Loan - Ái Nghĩa. Ngày 12 - 4 - 1954, ta phục kích đánh địch tại Xuyên Tây, buộc bọn địch ở lô cốt Cây Bản tháo chạy về Trà Kiệu. Trên cơ sở đó, ta liên tiếp tấn công vào nội ô Hội An, đánh sở chỉ huy Việt Bình Đoàn cùng 2 đại đội thuộc trung đoàn Võ Tánh, giải thoát 1.000 đồng bào và cán bộ bị địch bắt giam tại nhà lao Thông Đăng; hàng loạt đồn bót địch ở Đông Lý (Điện Bàn), Non Trục, Câu Lâu (Duy Xuyên), Nông Sơn..., lần lượt bị ta san thành bình địa. Du kích Điện Thắng (Điện Bàn) chặn đánh quyết liệt các mũi tiến quân của địch ở xóm Cát, La Hòa không cho chúng vượt qua sông La Thọ. Phong trào diệt ác, trừ gian, giành quyền làm chủ ở các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên cũng diễn ra quyết liệt, làm cho địa bàn chiếm đóng của địch ngày càng bị thu hẹp.

Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp Nhân dân cũng diễn ra sôi nổi ở khắp mọi địa bàn. Cán bộ Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị các cấp được tăng cường về các vùng xung yếu, vận động Nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính. Đoàn Thanh niên các địa phương vận động thanh niên viết cam kết không đi lính cho giặc. Tại Đà Nẵng, Hội Phụ nữ vận động các cụ già đấu tranh chống bắt lính bằng cách nằm trên đường ray xe lửa, không cho chúng đưa con em mình ra chiến trường làm bia đỡ đạn. Tại Điện Bàn, mỗi khi chúng đến bắt thanh niên đi lính, ta hướng dẫn các em thiếu niên, nhi đồng níu chân người thân, khóc lóc không cho đi.

Ở vùng tạm chiếm, cùng với phong trào chống bắt lính là phong trào chống lập tề, phá tề, chống địch tổ chức bầu cử hội đồng hương chính, chống chiêu an, dòn dân cũng diễn ra ở nhiều nơi và thu được nhiều kết quả quan trọng. Tại Đà Nẵng, cán bộ Mặt trận Liên Việt rải truyền đơn tố cáo tội ác của giặc, tổ chức cho Nhân dân học lời hiệu triệu của Mặt trận Liên Việt Trung ương, kết hợp với du kích Hòa Vang bắt 15 tên lý trưởng đưa về răn đe, giáo dục rồi trả về lại địa phương... Những hoạt động ấy đã góp phần làm phá sản âm mưu lập tề, bầu cử của địch ở phần lớn địa bàn nông thôn và vùng ven đô. Tại Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn Nhân dân dùng mọi lý lẽ để không chịu đỡ nhà vào các khu dòn của địch, kiên quyết đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn.

Ở vùng tự do, Nhân dân tổ chức bố phòng, cất giấu tài sản, bảo vệ kho tàng, động viên con em tham gia du kích, bộ đội, sẵn sàng đi dân công phục vụ tiền tuyến, sẵn sàng đập tan mọi cuộc hành quân càn quét của địch, đẩy mạnh tăng gia sản

xuất. Trong đó trọng tâm là công tác tổng động viên nhân tài, vật lực phục vụ cuộc tổng phản công giành thắng lợi quyết định trong thời gian tới. Mặc dù Nhân dân Quảng Nam còn gặp nhiều khó khăn, nạn đói vừa mới được khắc phục, song Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị đã động viên Nhân dân làm tròn nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến. Đặc biệt *Ban Dân công* các địa phương đã làm tốt công tác tổ chức cho dân công vận chuyển lương thực, vũ khí, tải thương phục vụ các chiến trường. Nhiều đợt dân công kéo dài cả tháng, phải băng rừng vượt suối đi cả ngày lẫn đêm, để đưa hàng kịp thời ra phục vụ chiến trường, lớn nhất là đợt đi dân công suốt 3 tháng liền phục vụ cho chiến trường bắc Tây Nguyên (Gia Lai - Kon Tum) và Hạ Lào. Mặc dù vất vả, nhưng mỗi người dân vẫn cố gắng nhận số lượng vận chuyển trên mức qui định, cũng như hạn chế thất thoát đến mức thấp nhất trên đường vận chuyển ra các chiến trường.

Nhân dân Quê Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước..., dùng cuốc, thuổng, giáo mác phá hủy cầu cống, đường giao thông; dựng chướng ngại vật, lập trạm kiểm soát, cắm chông dày đặc trên các vùng giáp ranh, nhất là ở các vùng ven biển. Nhân dân các huyện miền núi khai thông hành lang, lập các trạm dừng chân, kho tàng cất giấu tài sản, vót chông gửi xuống giúp Nhân dân đồng bằng bố phòng đánh địch, tạo điều kiện cho quân và dân ta tiến lên giành những thắng lợi quyết định trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tháng 4 - 1954, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc khẩn trương đẩy mạnh mọi mặt công tác, tập trung phát triển kinh tế, Mặt trận Liên Việt các cấp phối hợp với các đoàn thể, nhất là Nông hội vận động nông dân làm các công trình thủy

lợi để chống hạn; diệt chuột, trừ sâu, giữ vững diện tích canh tác, cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất lúa và các loại cây hoa màu. Ở vùng sau lưng địch, Nhân dân Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn tổ chức đắp đập, dùng máy bơm, phục vụ tưới cho 34.400 mẫu đất canh tác. Ở vùng tự do, nông dân Tam Kỳ làm đập Ba Suối để giải quyết việc tưới nước cho hàng trăm ha ruộng đất; Nhân dân Tiên Phước tổ chức phong trào bắt sâu, diệt chuột, kịp thời cứu hàng trăm ha lúa và hoa màu khỏi sự phá hoại của sâu, chuột...

Tại các huyện miền núi của tỉnh, do mất mùa liên tiếp, nên bà con dân tộc gặp rất nhiều khó khăn, nạn đói cơm lạt muối của đồng bào khu vực miền núi cao diễn ra trong thời gian dài. Trước tình hình đó, Mặt trận Liên Việt các cấp đã vận động các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh chung tay góp sức giúp đỡ đồng bào. Chỉ trong thời gian ngắn, toàn tỉnh đã ủng hộ 72 tấn muối, 6 tấn gạo, 18.404 nông cụ sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn trước mắt của đồng bào. Các đoàn thể còn lập kế hoạch sản xuất cho từng nóc, từng gia đình, khuyến khích đồng bào mở rộng diện tích trồng các loại cây lương thực, chuyển làm rẫy sang làm ruộng ở một số nơi có điều kiện. Kết quả, ta đã thành lập được 566 tổ sản xuất, 5.657 hội viên, giúp 2.647 người thoát đói, 1.167 người thoát nghèo. Vấn đề chăm sóc sức khỏe cho đồng bào miền núi cũng được Mặt trận Liên Việt, các cấp, các ngành quan tâm đúng mức. Qua đó, đồng bào các dân tộc thiểu số càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Mặt trận Liên Việt và Nông hội tổ chức cho nông dân học tập, nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp và điều chỉnh mức tô phù hợp với

tùng địa phương. Kết quả đến đầu tháng 6 - 1954, tại các vùng tự do và cả vùng tạm bị chiếm thuộc các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ đã có trên 5 nghìn bản, cổ, trung nông được giảm tô 200 tấn lúa trên 1.700 mẫu. Ở vùng địch, hầu hết các xã hoàn thành việc chia công điền cho nông dân. Nhờ vậy, chỉ trong 6 tháng đầu năm 1954, nông dân vùng tự do đã nộp 8.131 tấn thuế nông nghiệp, vùng du kích nộp 882 tấn, gấp 2 lần so với năm 1953, góp phần tạo nên thực lực rất lớn cho công cuộc kháng chiến.

Chính sách ruộng đất của Đảng đã làm cho bộ mặt nông thôn Quảng Nam có nhiều thay đổi, đời sống vật chất của người dân từng bước được cải thiện. Ông Đảng, ông Bác Hồ, gắn bó sâu sắc với tổ chức đoàn thể của mình, được chị em phụ nữ biểu lộ qua câu hát ru con.

*Ru con con ngủ cho ngoan
Mẹ ra nông hội mẹ bàn đấu tranh
Nay em có chiếc áo lành
Là nhờ ơn Đảng đã giành cho em
Mẹ xưa đói khổ gây mòn
Vì tô vì thuế vì phường thực dân.*

Ngày 7 - 5 - 1954, sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là chiến thắng lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làm nức lòng quân dân cả nước, đồng thời làm sụp đổ tinh thần binh lính địch.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương tiến công tiêu diệt địch trên hướng chính, tiếp tục đánh điểm, diệt viện cắt cầu Cầu Lâu, cô lập Bà Rén, Trà Kiệu, sẵn sàng bảo vệ vùng mới giải phóng và căn cứ du kích. Thực hiện chủ trương trên,

Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp vận động Nhân dân tích cực phối hợp cùng các lực lượng vũ trang bám đồn đánh địch, bảo vệ cơ sở, giữ vững vùng mới mở ra. Nhân dân các xã Điện Hồng, Điện Tiến, Điện Phước (Điện Bàn) tham gia mở đường tiếp tế súng đạn, tải thương, thu dọn chiến trường. Hơn 100 dân công xã Điện Hồng, Điện Tiến dùng sức đưa hai khẩu pháo 94 mm thu được trong trận đánh Bồ Bồ lần thứ nhất (9 - 6 - 1954) xuống đồi và chuyển về căn cứ an toàn.

Ngoài ra, Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp còn vận động các tầng lớp Nhân dân đấu tranh chống bắt lính, không dời nhà; vận động binh lính địch đào ngũ, rã ngũ, đòi bồi thường thiệt hại trong chiến tranh... Từ các cuộc đấu tranh lẻ tẻ hàng ngày, đã bùng phát thành phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn, chống các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp của địch, nhất là ở Hòa Vang, khu đông Hội An; các xã Điện An, Điện Hòa (Điện Bàn). Tại Đà Nẵng có 200 thanh niên bỏ chạy ra vùng tự do. Từ tháng 1 đến tháng 6 - 1954, toàn tỉnh có 1.146 thanh niên chạy thoát khỏi tay giặc. Tại Hội An, Đà Nẵng, công chức, học sinh, Nhân dân và các gia đình binh lính địch đấu tranh đòi Pháp chấm dứt chiến tranh, ủng hộ lập trường của ta tại Hội nghị Genève làm cho nội bộ địch càng thêm rối loạn. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của 1.500 đồng bào Đà Nẵng, hơn 4.000 đồng bào ở Hội An vào ngày 10 - 6 - 1954 đã gây tiếng vang lớn. Nhiều binh lính địch cũng nổi dậy đấu tranh tập thể như các đơn vị 97, 12, 11 quân thứ hành chính lưu động. Lính ngự ở Quá Giáng không chịu đi tiếp viện. Lính ở Hội An không chịu vào đánh nhau ở Tuy Hòa...

Trước sự tấn công dồn dập cả quân sự, chính trị, binh vận của quân dân ta, địch lâm vào tình thế nguy ngập. Vùng tạm

chiếm bị chia cắt từng mảnh, bộ máy nguy quyền ở nhiều nơi bị tan rã. Để cứu vãn tình thế, ở Quảng Nam, địch mở cuộc hành quân “Con Báo”, nhằm phá vùng du kích Điện Bàn, chiếm lại cứ điểm Bồ Bồ, biến Bồ Bồ thành hậu cứ cho các cuộc càn quét, giải tỏa, tiếp tế cho một số cứ điểm xung quanh.

Trước âm mưu mới của địch, quân ta lợi dụng yếu tố bất ngờ, dùng chiến thuật tập kích tiêu diệt địch ngay từ khi chúng vừa đặt chân đến Bồ Bồ. Phối hợp cùng bộ đội, Nhân dân các xã Điện Hồng, Điện Tiến, Điện An, Điện Hòa (Điện Bàn)... , huy động 500 dân công hỏa tuyến, 650 dân công thu chiến lợi phẩm và một số dân công dự trữ; tham gia đắp đường, góp phần vào thắng lợi của cuộc tập kích Bồ Bồ ngày 19 - 7 - 1954.

Bị thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ và trên các chiến trường trong nước, kể cả Thượng Lào, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đánh dấu sự kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của Nhân dân ta.

Nhìn lại, trong thời kỳ 1945 - 1954, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và sau đó là Mặt trận Liên Việt Quảng Nam đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong việc tập hợp, đoàn kết rộng rãi lực lượng dân tộc, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện cộng cuộc kháng chiến - kiến quốc. Đặc biệt, khi Đảng ta tuyên bố tự giải tán (1945) để rút vào hoạt động bí mật, đặt quyền lợi đất nước lên trên hết và tránh mọi sự hiểu lầm không cần thiết của dư luận trong, ngoài nước, gây bất lợi đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đến khi trở lại hoạt động công khai, với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam (1951), thì Mặt trận Việt Minh thực sự trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc. Đảng thông qua Mặt trận Việt Minh để lãnh đạo dân tộc và Mặt trận Việt Minh xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, góp phần quan trọng đưa sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc đi tới thành công.

Quân và dân Quảng Nam, sau hơn ba ngàn ngày cùng với quân dân cả nước tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến đã anh dũng chiến đấu, không quản ngại mọi hy sinh gian khổ để cuối cùng góp phần buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Những thành quả to lớn ấy, bắt nguồn từ đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam; sự đồng tâm nhất trí, đoàn kết trên dưới một lòng của các tầng lớp Nhân dân, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể chính trị, quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Trong điều kiện một tỉnh vừa có vùng tự do, vừa có vùng bị chiếm, song các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở đã làm hết sức mình để xây dựng và phát triển chính quyền dân chủ nhân dân trên khắp các vùng lãnh thổ và đây là công cụ đắc lực để tổ chức, động viên, huy động được sức mạnh của toàn dân đánh giặc. Thành công này không những chỉ có ý nghĩa trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mà còn có ý nghĩa lâu dài trong đường lối và nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện của Đảng.